|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG THẾ GIỚI  Description: The_World_Bank_logo | **DỰ ÁN HỖ TRỢ ĐỔI MỚI GDPT**  **Description: RGEP_Logo full** |

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN**

**ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HIỆN HÀNH**

**THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018**

**MÔN THỂ DỤC - LỚP 5**

**HÀ NỘI, 11/2020**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC LỤC**  **GIỚI THIỆU CHUNG** | 5 |
| **PHẦN 1. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN GDTC LỚP 5 BAN HÀNH NĂM 2018** | 8 |
| Hoạt động 1. Tìm hiểu những điểm mới của chương trình môn GDTC lớp 5 năm 2018 so với chương trình năm 2006. | 8 |
| PHẦN 2. XÁC ĐỊNH CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH MÔN THỂ DỤC LỚP 5 CHƯƠNG TRÌNH 2006 TIỆM CẬN VỚI CHƯƠNG TRÌNH 2018 | 28 |
| Hoạt động 2. Mục đích, nội dung và cách thức điều chỉnh nội dung Chương trình môn Thể dục lớp 5 năm 2006 | 28 |
| Hoạt động 3. Rà soát, tinh giản nội dung dạy học môn GDTC lớp 5 hiện hành | 31 |
| Hoạt động 4. Minh hoạ điều chỉnh cấu trúc, xây dựng kế hoạch theo chủ đề  môn Thể dục Chương trình 2006 tiệm cận với Chương trình 2018 | 37 |
| PHẦN 3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG MÔN THỂ DỤC LỚP 5 THEO NHỮNG ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH | 48 |
| Hoạt động 5. Xác định các phẩm chất, năng lực cần hình thành và phát triển cho học sinh lớp 5 thông qua dạy học môn thể dục theo CT mới 2018 | 48 |
| Hoạt động 6. Hướng dẫn sử dụng phương pháp dạy học hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đối với môn GDTC | 55 |
| Hoạt động 7. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng hình thành và phát triển năng lực học sinh qua môn GDTC lớp 5 | 66 |
| PHẦN 4. THỰC HÀNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY, MINH HOẠ MỘT BÀI DẠY/CHỦ ĐỀ CÓ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THEO PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HÌNH THÀNH PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC | 69 |
| Hoạt động 8. Cấu trúc kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh môn GDTC | 69 |
| Hoạt động 9. Thực hành thiết kế kế hoạch bài dạy, minh hoạ một bài dạy/chủ đề có nội dung điều chỉnh, bổ sung theo phương pháp dạy học hình thành phẩm chất và năng lực | 71 |
| **KẾ HOẠCH BÀI DẠY** | 72 |
| Bài 4: Kiến thức chung - Bài tập chạy và bật nhảy - Bài tập rèn luyện kĩ năng lăn, lộn – Trò chơi vận động (03 tiết) | 72 |
| Bài: Kiến thức chung - Bài tập chạy và bật nhảy - TCVĐ (01 tiết) | 80 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 88 |

**BIÊN SOẠN TÀI LIỆU**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. TS. Hà Minh Dịu | Trường ĐHSP Hà Nội 2 |
| 2. TS. Nguyễn Thu Nga | Trường ĐHSP TDTT Hà Nội |
| 3. Ths. Vũ Thị Thư | Viện KHGD Việt Nam |

**CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| Chương trình | CT |
| Chương trình giáo dục phổ thông | CT GDPT |
| Dạy học | DH |
| Giáo viên | GV |
| Giáo dục phổ thông | GDPT |
| Học sinh | HS |
| Năng lực | NL |
| Phương pháp | PP |
| Phẩm chất | PC |
| Sách giáo viên | SGV |

# 

# GIỚI THIỆU CHUNG

**I. Mục tiêu chung**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, Học viên có thể:

1. Phân tích được những điểm mới của môn GDTC lớp 5 chương trình 2018 so với môn Thể dục lớp 5 chương trình hiện hành.

2. Phân tích được những điểm chung và những điểm riêng trong Chương trình 2018 môn GDTC lớp 5 và Chương trình 2006 môn Thể dục lớp 5.

3. Điều chỉnh được nội dung và phương pháp dạy học Thể dục lớp 5 chương trình 2006 theo định hướng chương trình 2018.

4. Thiết kế được kế hoạch dạy học và kế hoạch bài dạy môn Thể dục lớp 5 CT 2006 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

5. Chuyển giao được cho đồng nghiệp những kiến thức, kĩ năng trên.

**II. Cấu trúc của tài liệu bồi dưỡng**

**Giới thiệu chung**

**Phần 1. Những điểm mới của chương trình môn GDTC lớp 5 ban hành năm 2018**

Hoạt động 1. Tìm hiểu những điểm mới của chương trình môn GDTC lớp 5 năm 2018 so với chương trình năm 2006.

Phần 2. Xác định các nội dung điều chỉnh trong chương trình môn thể dục lớp 5 CT 2006 tiệm cận với Chương trình 2018

Hoạt động 2. Mục đích, nội dung và cách thức điều chỉnh nội dung Chương trình môn Thể dục lớp 5 năm 2006.

Hoạt động 3. Rà soát, tinh giản nội dung dạy học môn GDTC lớp 5 hiện hành.

Hoạt động 4. Minh hoạ điều chỉnh cấu trúc, xây dựng kế hoạch theo chủ đề môn Thể dục Chương trình 2006 tiệm cận với Chương trình 2018.

Phần 3. Hướng dẫn thực hiện dạy học và đánh giá trong môn thể dục lớp 5 theo những đề xuất điều chỉnh

Hoạt động 5. Xác định các phẩm chất, năng lực cần hình thành và phát triển cho học sinh lớp 5 thông qua dạy học môn thể dục theo CT mới 2018.

Hoạt động 6. Hướng dẫn sử dụng phương pháp dạy học hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đối với môn GDTC.

Hoạt động 7. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng hình thành và phát triển năng lực học sinh qua môn GDTC lớp 5.

Phần 4. Thực hành thiết kế kế hoạch bài dạy, minh hoạ một bài dạy/chủ đề có nội dung điều chỉnh theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực

Hoạt động 8. Cấu trúc kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh môn GDTC.

Hoạt động 9.Thực hành thiết kế kế hoạch bài dạy, minh hoạ một bài dạy/chủ đề có nội dung điều chỉnh theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

# III. Hình thức tổ chức bồi dưỡng

Bồi dưỡng tập trung 3 ngày

# IV. Tài liệu và thiết bị dạy học

1. *Chương trình môn Thể dục*, Bộ GDĐT, 2006.

1. *Chương trình môn Giáo dục thể chất*, Bộ GDĐT, 2018.

2. Tài liệu tập huấn cho học viên: “*Tài liệu hướng dẫn điều chỉnh nội dung Chương trình môn Thể dục lớp 5 hiện hành theo Chương trình GDPT mới”.*

3. Máy tính kết nối internet, máy chiếu Projector.

4. Bút dạ, giấy A0, khung kế hoạch bài học in sẵn trên giấy A3.

**MỞ ĐẦU**

MỤC TIÊU:

1) Làm quen, chia sẻ kinh nghiệm dạy học

2) Giới thiệu được cấu trúc Tài liệu hướng dẫn

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

Chọn một hình thức khởi động phù hợp: hát một bài, kể một chuyện vui hoặc chơi một trò chơi trên quizzi, Kahoot vừa để khởi động vừa ôn lại kiến thức về chương trình 2018.

**B. TỔ CHỨC LỚP TẬP HUẤN**

**1. Thành lập nhóm, bầu nhóm trưởng**

**2. Các nhóm làm quen, từng nhóm giới thiệu thành viên**

+ Họ và tên

+ Nơi công tác

+ Sở thích

+ Sở trường

**3. Viết nhu cầu, mong muốn về lớp bồi dưỡng theo phiếu hoặc làm trên ứng dụng padled.com, mentimeter.**

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung | …………………………….. |
| Cách tổ chức | …………………………….. |
| Mong đợi khác | …………………………….. |

Từng nhóm tập hợp phiếu của mình cho cán bộ tập huấn.

**4. Xây dựng nội quy lớp bồi dưỡng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nên** | **Không nên** |
|  |  |

**5. Đọc mục tiêu, nội dung và kế hoạch bồi dưỡng, tài liệu bồi dưỡng**

**C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**

- Chia sẻ những điều đã biết về chương trình mới: Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018, Chương trình môn Thể dục hiện hành và chương trình môn GDTC lớp 5 năm 2018.

- Từng thành viên trong nhóm nêu những hiểu biết, những băn khoăn của bản thân về chương trình mới; so sánh và chỉ ra điểm tương đồng, khác biệt giữa chương trình 2018 và chương trình hiện hành 2006.

|  |
| --- |
| **Chia sẻ về chương trình 2018 và 2006**  1. Điểm tương đồng: ……………………………………………………  (về mục tiêu, nội dung dạy học, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá)  2. Điểm khác biệt: ……………………………………………………….  (về mục tiêu, nội dung dạy học, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá)  3. Những băn khoăn của bản thân về chương trình mới 2018. |

- Các thành viên khác đưa ra nhận xét, bổ sung thông tin.

- Thư kí nhóm ghi tóm tắt kết quả thảo luận.

- Mỗi nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

- Thư kí lớp ghi lại kết quả thảo luận.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

Cùng đồng nghiệp ở địa phương chia sẻ kinh nghiệm về dạy học môn Thể dục nói chung và môn Thể dục lớp 5.

**PHẦN 1. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN GDTC LỚP 5 BAN HÀNH NĂM 2018**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu những điểm mới của chương trình môn GDTC lớp 5 năm 2018 so với chương trình năm 2006.**

A picture containing text

Description automatically generated**👉***Nhiệm vụ của học viên:*

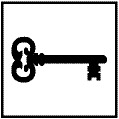
- Nghiên cứu tài liệu tập huấn và tài liệu về Chương trình môn Thể dục cấp Tiểu học năm 2006 và môn GDTC năm 2018

- Thảo luận nhóm

+ Lập bảng so sánh, đối chiếu chương trình môn GDTC lớp 5 năm 2018 so với chương trình năm 2006.

+ Nhận xét về những điểm mới của Chương trình môn GDTC lớp 5 năm 2018.

Sản phẩm: Trình bày kết quả thảo luận nhóm trên A0

**Thông tin hoạt động 1**

**1. Mục đích so sánh, đối chiếu**

Việc thực hiện so sánh, đối chiếu Chương trình môn Thể dục lớp 5 năm 2006 với chương trình năm 2018 là một trong những khâu quan trọng của quá trình điều chỉnh Chương trình môn Thể dục lớp 5 đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông, nhằm xác định những điểm được kế thừa của Chương trình hiện hành trong Chương trình mới, đồng thời, chỉ ra những điểm cần bổ sung, điều chỉnh trong Chương trình môn Thể dục lớp 5 hiện hành để tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học, đảm bảo cho HS lớp 5 đạt được những yêu cầu cơ bản của Chương trình Giáo dục phổ môn GDTC cấp Tiểu học và có thể tiếp tục học tập thuận lợi, có hiệu quả Chương trình môn GDTC lớp 6 năm 2018.

**2. Nguyên tắc so sánh, đối chiếu**

Việc so sánh và đối chiếu Chương trình môn Thể dục lớp 5 hiện hành với Chương trình 2018 được thực hiện theo những nguyên tắc cơ bản như sau:

- Quán triệt tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và đào tạo theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Kế thừa những chỉ đạo, hướng dẫn về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học theo định hướng đổi mới.

- Xác định các tiêu chí so sánh bám sát vào các vấn đề cơ bản liên quan đến chương trình môn học, trong đó, cơ bản là dựa theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018.

- Xác định những điểm khác biệt có tính ưu việt của Chương trình môn GDTC lớp 5 năm 2018 để làm căn cứ cho việc đề xuất điều chỉnh.

- Đề xuất những điều chỉnh cụ thể, thiết thực, đáp ứng cho HS đạt được những yêu cầu nền tảng để có thể tiếp tục tham gia học tập và đạt được những yêu cầu của Chương trình môn GDTC lớp 6 năm 2018. Những đề xuất điều chỉnh cần đảm bảo sự đồng bộ giữa mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và nội dung dạy học, phương pháp dạy học, đánh giá và các điều kiện thực hiện.

**3. Nội dung so sánh, đối chiếu**

Nghiên cứu hai chương trình môn GDTC lớp 5 năm 2018 và năm 2006, có thể nhận thấy các nội dung cơ bản của chương trình năm 2018 đầy đủ, bao quát hơn. Vì vậy, để thực hiện bản đối sánh giữa hai chương trình môn GDTC lớp 5 này, nên căn cứ theo các tiêu chí so sánh đó là những nội dung cơ bản của chương trình môn GDTC năm 2018 như: *đặc điểm môn học, quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu chương trình, yêu cầu cần đạt, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục, thiết bị dạy học và thời lượng và kế hoạch thực hiện chương trình.*

**4. Thực hiện so sánh, đối chiếu Chương trình môn GDTC lớp 5 năm 2018 với Chương trình năm 2006**

* 1. **Đặc điểm môn học**

***Bảng 1. Bảng so sánh, đối chiếu môn GDTC CT 2018 và CT 2006***

|  |  |
| --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2018** | **CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2006** |
| Giáo dục thể chất là môn học bắt buộc, được thực hiện từ lớp 1 đến lớp 12.  Môn Giáo dục thể chất góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh, trọng tâm là: trang bị cho học sinh kiến thức và kĩ năng chăm sóc sức khoẻ; kiến thức và kĩ năng vận động; hình thành thói quen tập luyện, khả năng lựa chọn môn thể thao phù hợp để luyện tập nâng cao sức khoẻ, phát triển thể lực và tố chất vận động; trên cơ sở đó giúp học sinh có ý thức, trách nhiệm đối với sức khoẻ của bản thân, gia đình và cộng đồng, thích ứng với các điều kiện sống, sống vui vẻ, hoà đồng với mọi người  Nội dung chủ yếu của môn Giáo dục thể chất là rèn luyện kĩ năng vận động và phát triển tố chất thể lực cho học sinh bằng những bài tập thể chất đa dạng như: các bài tập đội hình đội ngũ, các bài tập thể dục, các trò chơi vận động, các môn thể thao và kĩ năng phòng tránh chấn thương trong hoạt động thể dục thể thao.  Nội dung giáo dục thể chất được phân chia theo hai giai đoạn: Giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp  – Giai đoạn giáo dục cơ bản: Môn Giáo dục thể chất giúp học sinh biết cách chăm sóc sức khoẻ và vệ sinh thân thể; hình thành thói quen tập luyện nâng cao sức khoẻ; thông qua các trò chơi vận động và tập luyện thể dục, thể thao hình thành các kĩ năng vận động cơ bản, phát triển các tố chất thể lực, làm cơ sở để phát triển toàn diện. Học sinh được lựa chọn nội dung hoạt động thể dục thể thao phù hợp với thể lực của mình và khả năng đáp ứng của nhà trường.  – Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp: Môn Giáo dục thể chất được thực hiện thông qua hình thức câu lạc bộ thể dục thể thao. Học sinh được chọn nội dung hoạt động thể thao phù hợp với nguyện vọng của mình và khả năng đáp ứng của nhà trường để tiếp tục phát triển kĩ năng chăm sóc sức khoẻ và vệ sinh thân thể, phát triển về nhận thức và năng khiếu thể thao, đồng thời giúp những học sinh có năng khiếu thể thao tự chọn định hướng nghề nghiệp phù hợp. | Không có |

***Nhận xét chung:*** Chương trình môn GDTC năm 2018 trình bày rõ nét những đặc điểm cơ bản của môn GDTC. Đây là điểm vượt trội, khác biệt so với Chương trình môn Thể dục năm 2006. Điều này thể hiện rõ nét đặc trưng của môn học, nội dung chủ yếu, cũng như chỉ rõ sự phân chia hai giai đoạn của chương trình, giúp cho các nhà giáo, các nhà khoa học và các cơ sở giáo dục hiểu rõ hơn môn GDTC trong Chương trình Giáo dục phổ thông.

**4.2. Quan điểm xây dựng chương trình**

***Bảng 2. Bảng so sánh, đối chiếu và quan điểm xây dựng chương trình***

|  |  |
| --- | --- |
| **CHƯƠNGNG TRÌNH NĂM 2018** | **CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2006** |
| Chương trình môn Giáo dục thể chất quán triệt đầy đủ quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực, kế hoạch giáo dục và định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục được quy định tại Chương trình tổng thể. Xuất phát từ đặc trưng của môn học, một số quan điểm sau được nhấn mạnh trong xây dựng chương trình:  1. Chương trình môn Giáo dục thể chất được xây dựng dựa trên nền tảng lí luận và thực tiễn, cập nhật thành tựu của khoa học thể dục thể thao và khoa học sư phạm hiện đại, trong đó có các kết quả nghiên cứu về giáo dục học, tâm lí học, sinh lí học, phương pháp giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao; kinh nghiệm xây dựng chương trình môn Giáo dục thể chất của Việt Nam và các nước có nền giáo dục tiên tiến; kết quả phân tích thực tiễn giáo dục, điều kiện kinh tế – xã hội Việt Nam và sự đa dạng của học sinh.  2. Chương trình môn Giáo dục thể chất bảo đảm phù hợp với tâm – sinh lí lứa tuổi và quy luật phát triển thể chất của học sinh; phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi học sinh thông qua các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục; vận dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc điểm của môn học, hỗ trợ việc hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực ở học sinh.  3. Chương trình môn Giáo dục thể chất có tính mở, tạo điều kiện để học sinh được lựa chọn các hoạt động phù hợp với thể lực, nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường; đồng thời tạo điều kiện để nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm của mỗi địa phương | - Chương **trình** môn Thể dục ở cấp Tiểu học:  - Lấy việc nâng cao sức khỏe, thể lực học sinh là mục tiêu quan trọng nhất, xuyên suốt từ Tiểu học đến Trung học phổ thông.  - Đảm bảo tính khoa học, sư phạm,  liên thông,  kết hợp truyền thống văn hóa dân  tộc, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học giáo dục thể chất hiện đại.  - Đảm bảo tính khả thi,  phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi và giới tính; với sức khỏe thể lực học sinh, đồng thời định hướng cho việc nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên và tăng cường cơ sở vật chất cho việc dạy và học môn Thể dục.  - Đảm bảo tính thống nhất của chương trình, đồng thời mở rộng quyền chủ động, sáng tạo của địa phương trong quá trình thực hiện chương trình.  Những nội dung được đưa vào chương trình là cơ bản,  phổ thông, phù hợp với lứa tuổi, giới tính,  sức khoẻ,  thể lực của học sinh tiểu học, với cơ sở vật chất của trường hiện nay, với khả năng của giáo viên kiêm dạy và chuyên trách ở Tiểu học.  Cấu trúc chương trình theo kiểu đồng tâm vừa kế thừa, nâng cao, vừa bổ sung nội dung mới gồm có: Đội hình đội ngũ, Bài thể dục phát triển chung, Bài tập rèn luyện tư thế và kỹ năng vận động cơ bản, Trò chơi vận động. Từ lớp 4 - 5 có thêm môn tự chọn: Đá cầu, Ném bóng (có chương trình chi tiết), Bóng đá, Bóng rổ, Bóng bàn, Cầu lông, Võ, Thể dục nhịp điệu, Bơi, Cờ vua... (chưa có chương trình chi tiết). Đối với những trường có điều kiện và nhu cầu, có thể dạy cho học sinh môn thể thao tự chọn ngay từ lớp 1 bằng cách giảm quỹ thời gian của phần trò chơi vận động.   Khi dạy các nội dung trên, giáo viên có thể bổ sung bài tập mới hoặc cho học sinh ôn tập trò chơi vận động, giáo viên có thể chọn các trò chơi khác có cùng mục đích để thay thế, trong đó ưu tiên những trò chơi dân gian có lời đồng dao. |

***Nhận xét chung:*** Chương trình môn GDTC năm 2018 trình bày cụ thể và đầy đủ những ý tưởng cơ bản về quan điểm xây dựng chương trình. Đây được xem như là kim chỉ nam cho việc xác định mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực cũng như nội dung, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá trong môn GDTC. Trong khi đó Chương trình môn Thể dục năm 2006 mô tả về quan điểm xây dựng và phát triển chương trình chủ yếu tập trung vào những nội dung trọng tâm của chương trình môn Thể dục, các nội dung thể hiện trong phần này được mô tả như là các đặc điểm và yêu cầu của môn Thể dục trong chương trình Giáo dục Tiểu học.

**4.3. Mục tiêu**

***Bảng 3. Bảng so sánh, đối chiếu vầ mục tiêu***

|  |  |
| --- | --- |
| **CHƯƠNGNG TRÌNH 2018** | **CHƯƠNG TRÌNH 2006** |
| ***Mục tiêu chung***  Môn Giáo dục thể chất giúp học sinh hình thành, phát triển kĩ năng chăm sóc sức khoẻ, kĩ năng vận động, thói quen tập luyện thể dục thể thao và rèn luyện những phẩm chất, năng lực để trở thành người công dân phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế, góp phần phát triển tầm vóc, thể lực người Việt Nam; đồng thời phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao. | ***Mục tiêu chung (không có)*** |
| ***Mục tiêu cấp tiểu học***  Môn Giáo dục thể chất giúp học sinh biết cách chăm sóc sức khoẻ và vệ sinh thân thể, bước đầu hình thành các kĩ năng vận động cơ bản, thói quen tập luyện thể dục thể thao, tham gia tích cực các hoạt động thể dục, thể thao nhằm phát triển các tố chất thể lực, làm cơ sở để phát triển toàn diện và phát hiện năng khiếu thể thao. | ***Mục tiêu cấp tiểu học***  Môn Thể dục ở cấp Tiểu học nhằm giúp học sinh:  - Có sự tăng tiến về sức khoẻ, thể lực, đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo lứa tuổi, giới tính.  - Biết được một số kiến thức, kĩ năng để tập luyện giữ gìn sức khoẻ, nâng cao thể lực.  - Rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, kỉ luật, nếp sống lành mạnh, thói quen tự giác tập luyện thể dục thể thao và giữ gìn vệ sinh.  - Biết vận dụng ở mức độ nhất định những điều đã học vào nếp sinh hoạt ở trong nhà trường và ngoài nhà trường. |

***Nhận xét chung:*** Cách trình bày về Mục tiêu của Chương trình môn GDTC năm 2018 xác định rõ nét mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể đều hướng đến phát triển phẩm chất, năng lực người học, điều này thể hiện hướng đến việc người học đạt được những gì qua quá trình học tập, đáp ứng được định hướng đổi mới căn bản và toàn diện Giáo dục và Đào tạo sau năm 2015. Trong khi đó, ở chương trình môn Thể dục năm 2006, tập trung vào cung cấp cho học sinh những kiến thức, kĩ năng cơ bản thể hiện rõ nét chương trình định hướng tiếp cận nội dung. Điều này cho thấy sự thay đổi về mục tiêu của chương trình Giáo dục thể chất 2018 không hướng tới chạy theo kiến thức hay tập trung vào kỹ thuật, muốn có được phẩm chất và năng lực, HS cũng phải có kiến thức và kỹ năng; nhưng kiến thức và kỹ năng không phải là mục tiêu cuối mà chỉ là phương tiện để đạt được mục tiêu môn học.

Điều khác biệt nữa trong chương trình Giáo dục thể chất 2018 đó là thái độ thực chất đã được lồng ghép vào phẩm chất và năng lực cần đạt. Theo cách hiểu đúng nhất, trong năng lực đã bao hàm các yếu tố thái độ, động cơ, tư tưởng, tình cảm của chủ thể. Nói cách khác năng lực không chỉ do kiến thức và kĩ năng tạo nên mà còn có cả ý thức, tinh thần, thái độ, động cơ… của người học nữa.

**4.4. Yêu cầu cần đạt (về phẩm chất và năng lực)**

***Bảng 4. Bảng so sánh, đối chiếu về yêu cầu cần đạt***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNGNG TRÌNH 2018** | | **CHƯƠNG TRÌNH 2006** |
| **1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung**  Môn Giáo dục thể chất góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể. | | Không có "Yêu cầu cần đạt" (phẩm chất, năng lực) mà có "Mức độ cần đạt" (kiến thức, kĩ năng) được nêu trong mỗi chủ đề từ lớp 1 đến lớp 5. |
| **2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù**  Chương trình môn Giáo dục thể chất giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực thể chất với các thành phần sau: năng lực chăm sóc sức khỏe, năng lực vận động cơ bản, năng lực hoạt động thể dục thể thao. Yêu cầu cần đạt về năng lực thể chất **được thể hiện như sau:** | |
| **Thành phần năng lực** | **Yêu cầu cần đạt** |
| ***Chăm sóc sức khoẻ*** | - Biết và bước đầu thực hiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh chung và vệ sinh trong tập luyện TDTT  - Biết và bước đầu thực hiện được một số yêu cầu cơ bản của chế độ dinh dưỡng để bảo vệ, tăng cường sức khoẻ  - Nhận ra và bước đầu có ứng xử thích hợp với một số yếu tố cơ bản của môi trường tự nhiên có lợi và có hại cho sức khoẻ. |
| ***Vận động cơ bản*** | - Nhận biết được các vận dộng cơ bản trong chương trình môn học  - Thực hiện được các kĩ năng vận động cơ bản  - Có ý thức thường xuyên vận động để phát triển các tố chất thể lực. |  |
| ***Hoạt động thể dục thể thao*** | - Nhận biết được vai trò của hoạt động TDTT đối với cơ thể  - Thực hiện được kĩ thuật cơ bản của một số nội dung thể thao phù hợp với bản thân  - Tự giác, tích cực trong tập luyện thể dục thể thao |

***Nhận xét chung:*** Chương trình môn GDTC năm 2018 xác định rõ nét các phẩm chất và năng lực có thể phát triển cho học sinh qua môn GDTC, đáp ứng định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Đồng thời chương trình cũng chỉ rõ những yêu cầu cần đạt đối với những thành tố của năng lực thể chất học mà học sinh cần đạt để có thể phát triển năng lực cho các em qua quá trình học tập. Chương trình môn Thể dục 2006 không có "Yêu cầu cần đạt" mà chỉ có "Mức độ cần đạt" (kiến thức, kĩ năng) được nêu trong mỗi chủ đề từ lớp 1 đến lớp 5. Đây là điểm khác biệt so với chương trình môn GDTC năm 2018.

**4.5. Nội dung giáo dục**

***Bảng 5. Bảng so sánh, đối chiếu về nội dung giáo dục***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung/chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt - Mức độ cần đạt** | |
| **Chương trình năm 2018** | **Chương trình năm 2006** |
| ***1. Kiến thức chung*** | | |
|  | Biết thực hiện theo hướng dẫn về chế độ dinh dưỡng trong tập luyện nhằm tăng khả năng vận động. | Không có |
| ***2. Đội hình đội ngũ*** | | |
|  | - Thực hiện được nội dung đội hình đội ngũ;  – Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.  – Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện. | *Kiến thức*  Biết các khẩu lệnh và cách thực hiện bài tập mới học và những bài tập đã học từ lớp 1 đến lớp 4.  *Kĩ năng*  - Thực hiện cơ bản đúng: Đổi chân khi đi đều sai nhịp và những bài ôn tập chương trình từ lớp 1 đến lớp 4.  - Vận dụng vào nếp sinh hoạt ở trường và ngoài nhà trường. |
| ***3. Bài tập thể dục*** | | |
|  | - Thực hiện được các động tác bài tập thể dục có kết hợp với đạo cụ;  – Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.  – Hoàn thành lượng vận động của bài tập.  – Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện. | Không có |
| ***4. Bài thể dục phát triển chung*** | | |
|  | Không có | *Kiến thức*  Biết tên và cách thực hiện bài thể dục phát triển chung 8 động tác: Vươn thở, tay, chân, lườn, bụng, toàn thân, nhảy và điều hòa.  *Kĩ năng*  - Thuộc tên và thực hiện cơ bản đúng toàn bài.  - Vận dụng để tự tập hàng ngày. |
| ***5. Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản*** | | |
|  | - Thực hiện được các tư thế và kĩ năng vận động cơ bản  – Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.  – Hoàn thành lượng vận động của bài tập.  – Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện. | *Kiến thức*  Biết cách thực hiện các bài tập rèn luyện tư thế và kĩ năng vận động cơ bản.  *Kĩ năng*  - Thực hiện cơ bản đúng các bài tập: Bật cao; Phối hợp chạy - bật cao; Những bài ôn tập chương trình từ lớp 1 đến lớp 4.  - Vận dụng để tự tập. |
| ***6. Trò chơi vận động*** | | |
|  | – Bước đầu vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào các hoạt động tập thể, tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu. | *Kiến thức*  Biết tên và cách thực hiện các trò chơi mới học.  *Kĩ năng*  - Thực hiện được các trò chơi mới học.  - Tham gia chơi tương đối chủ động một số trò chơi đã học.  - Vận dụng để vui chơi và tự tập hàng ngày. |
| ***7. Thể thao tự chọn*** | | |
|  | - Thực hiện được các động tác cơ bản của nội dung thể thao ưa thích; xử lí được một số tình huống trong tập luyện.  – Bước đầu vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào các hoạt động tập thể, tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu.  – Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.  – Hoàn thành lượng vận động của bài tập.  – Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện.  – Tự giác, dũng cảm, thường xuyên tập luyện thể dục thể thao. | ***1. Đá cầu***  *Kiến thức*  Biết cách thực hiện: tâng cầu bằng mu bàn chân; phát cầu bằng mu bằng chân.  *Kĩ năng*  - Thực hiện cơ bản đúng những bài tập trên.  - Vận dụng để tự tập và thi đấu.  ***2. Ném bóng***  *Kiến thức*  Biết cách thực hiện: Ném bóng 150g trúng đích (tại chỗ và di chuyển); Một số bài tập rèn luyện sự khéo léo của tay (tung và bắt bóng bằng 1 tay; tung và bắt bóng qua khoeo chân).  *Kĩ năng*  - Thực hiện cơ bản đúng những bài tập trên.  - Vận dụng để tự tập và thi đấu. |

***Nhận xét chung:*** Về cách phát biểu “Yêu cầu cần đạt về nội dung” (đối với chương trình môn GDTC năm 2018) thể hiện rõ nét những việc học sinh cần đạt được trong từng chủ đề kiến thức, kĩ năng thể chất. Điều này đáp ứng định hướng đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Trong khi đó, phát biểu về “Mức độ cần đạt của chuẩn kiến thức, kĩ năng” (đối với chương trình môn Thể dục năm 2006) chủ yếu yêu cầu học sinh biết và nhận biết các kiến thức, kĩ năng cơ bản. Điều này thể hiện rõ nét chương trình hiện hành theo định hướng tiếp cận nội dung. Về mặt nội dung dạy học môn GDTC của cả hai chương trình có những điểm tương đồng khá cao. Bên cạnh đó có một số điểm khác biệt của chương trình môn GDTC năm 2018 so với chương trình năm 2006:

* Về các mạch kiến thức:

+ Chương trình môn GDTC năm 2018 xác định 3 mạch kiến thức cơ bản: Kiến thức chung, vận động cơ bản, thể thao tự chọn. Trong khi đó Chương trình môn Thể dục năm 2006 bao gồm 5 mạch kiến thức cơ bản: đội hình đội ngũ; bài tập rèn luyện tư thế và kĩ năng vận động cơ bản; bài tập thể dục phát triển chung; trò chơi vận động; môn thể thao tự chọn. Như vậy, so với chương trình năm 2006, chương trình năm 2018 có thêm mạch mới là "kiến thức chung", "bài tập thể dục", nhưng không có mạch "bài tập phát triển chung".

+ Việc không có mạch "bài tập phát triển chung" trong Chương trình môn GDTC năm 2018 nhưng thực chất chỉ là khác nhau về tên gọi, *bài tập phát triển chung* cũng chính là *bài tập thể dục.*

+ Chương trình môn GDTC năm 2018 xác định mạch kiến thức chung bước đầu đưa kiến thức về chế độ ăn uống đảm bảo dinh dưỡng trong tập luyện ở lớp 5 (từ lớp 1 đã có mạch nội dung kiến thức chung, với mỗi lớp có trang bị nội dung kiến thức chung khác nhau), đây là điểm mới khác biệt hoàn toàn so với chương trình môn Thể dục ban hành năm 2006.

+ Cách trình bày các nội dung của từng mạch kiến thức trong chương trình môn GDTC năm 2018 thể hiện tiến trình dạy học rõ nét, phù hợp với các mạch kiến thức, trong khi đó trong chương trình môn Thể dục năm 2006 thể hiện theo lối liệt kê từng nội dung cụ thể.

+ Chương trình môn GDTC năm 2018 có nội dung trò chơi được lồng ghép vào mỗi chủ đề chứ không tách thành một chương riêng như chương trình 2006, đây được xem như là một điểm mới trong chương trình môn GDTC nhằm tăng cường khả năng liên hệ, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn, gắn kết hoạt động GDTC và thực tiễn.

Như vậy, nội dung giáo dục trong Chương trình GDTC 2018, bên cạnh một số kiến thức được cập nhật để phù hợp với những thành tựu mới của khoa học - công nghệ và định hướng mới của chương trình, kiến thức nền tảng của các môn học, trong Chương trình GDPT mới chủ yếu là những kiến thức cốt lõi, tương đối ổn định trong các lĩnh vực tri thức của nhân loại, được kế thừa từ Chương trình GDPT hiện hành, nhưng được sắp xếp lại để giúp học sinh phát triển phẩm chất và năng lực một cách hiệu quả hơn. Chương trình môn GDTC 2018 lớp 5 đưa Giáo dục sức khỏe vào trong quá trình giảng dạy. Chương trình môn GDTC 2018 lớp 5 mang tính mở thông qua môn Thể thao tự chọn, tạo điều kiện để học sinh được lựa chọn các hoạt động phù hợp với thể lực, nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường; đồng thời tạo điều kiện để nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm của mỗi địa phương.

**4.6. Phương pháp giáo dục**

***Bảng 6. Bảng so sánh, đối chiếu về phương pháp giáo dục***

|  |  |
| --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2018** | **CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2006** |
| **1. Định hướng chung**  Môn Giáo dục thể chất vận dụng phương pháp giáo dục tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, thực hiện chuyển quá trình giáo dục thành tự giáo dục; giáo viên là người thiết kế, tổ chức, cố vấn, trọng tài, hướng dẫn hoạt động tập luyện cho học sinh*,* tạo môi trường học tập thân thiện để khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động tập luyện, tự mình trải nghiệm, tự phát hiện bản thân và phát triển thể chất.  Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng như: trực quan, sử dụng lời nói, tập luyện, sửa sai, trò chơi, thi đấu, trình diễn,...; sử dụng nguyên tắc đối xử cá biệt, phù hợp với sức khoẻ học sinh; kết hợp dụng cụ, thiết bị phù hợp, sử dụng hiệu quả các thành tựu của công nghệ thông tin để tạo nên giờ học sinh động, hiệu quả.  Đa dạng hoá các hình thức tổ chức dạy học, cân đối giữa hoạt động tập thể lớp, hoạt động nhóm nhỏ và cá nhân, giữa dạy học bắt buộc và dạy học tự chọn, để đảm bảo vừa phát triển năng lực thể chất, vừa phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung. Tích hợp kiến thức một số môn học khác, một số bài hát, bản nhạc,... để tạo không khí vui tươi, hưng phấn trong tập luyện, làm cho học sinh yêu thích và đam mê tập luyện thể thao.  **2. Định hướng phương pháp hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung**  *a) Phương pháp hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu*  Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, giáo viên giúp học sinh rèn luyện tính trung thực, tình cảm bạn bè, đồng đội, tinh thần trách nhiệm và ý thức tự giác, chăm chỉ tập luyện để phát triển hài hoà về thể chất, tinh thần,có những phẩm chất và năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, có sức khoẻ, có văn hoá, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.  *b) Phương pháp hình thành, phát triển năng lực chung*  - Đối với năng lực tự chủ và tự học: Trong dạy học môn Giáo dục thể chất, giáo viên tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động tìm tòi, khám phá, tra cứu thông tin, lập kế hoạch và thực hiện các bài tập thực hành, từ đó hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học cho học sinh.  - Đối với năng lực giao tiếp và hợp tác: Môn Giáo dục thể chất tạo cơ hội cho học sinh thường xuyên được trao đổi, trình bày, chia sẻ và phối hợp thực hiện ý tưởng trong các bài thực hành, các trò chơi, các hoạt động thi đấu có tính đồng đội. Từ đó, học sinh được hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác.  - Đối với năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua các hoạt động luyện tập, trò chơi, thi đấu và vận dụng linh hoạt các phương pháp tập luyện, giáo viên tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức để phát hiện vấn đề và đề xuất cách giải quyết, biết cách lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch để giải quyết vấn đề một cách khách quan, trung thực và sáng tạo.  **3. Định hướng phương pháp hình thành, phát triển năng lực thể chất**  a) Hình thành, phát triển năng lực chăm sóc sức khoẻ: Giáo viên tạo cơ hội cho học sinh huy động những hiểu biết, kinh nghiệm sẵn có để hình thành ý thức và kiến thức về chăm sóc sức khoẻ; đồng thời tăng cường giao nhiệm vụ ở nhà, đồng thời phối hợp với cha mẹ học sinh giúp đỡ học sinh thực hiện nền nếp giữ gìn vệ sinh, chăm sóc sức khoẻ bản thân.  b) Hình thành, phát triển năng lực vận động cơ bản: Giáo viên khai thác ưu thế của Giáo dục thể chất là một loại hình giáo dục mà nội dung chuyên biệt là dạy học vận động (động tác) và sự phát triển có chủ định các tố chất vận động của con người. Các giai đoạn dạy học động tác nhằm hình thành ở học sinh kĩ năng vận động, khả năng vận dụng vào thực tế. Việc tổ chức các hoạt động vận động (bài tập và trò chơi vận động,...) giúp cho học sinh hình thành và phát triển được các tố chất thể lực cơ bản như: nhanh, mạnh, bền, khéo léo, mềm dẻo,… cũng như khả năng thích ứng của cơ thể và trí nhớ vận động.  c) Hình thành, phát triển năng lực hoạt động thể dục thể thao: Giáo viên vận dụng nguyên tắc giáo dục cá biệt, quan tâm phát hiện và hướng dẫn học sinh tập luyện các môn thể dục thể thao phù hợp với sở thích, sở trường; tạo cơ hội cho học sinh được quan sát và tham gia các trò chơi, các hoạt động cổ vũ và thi đấu thể thao, từ đó khơi dậy niềm đam mê hoạt động thể dục thể thao, khả năng hoạt động thể dục thể thao, phát triển khả năng trình diễn và thi đấu. | - Để đạt được mục tiêu của chương trình, thì cách chọn lựa, cấu trúc nội dung và phương pháp dạy học cần phải thay đổi theo hướng tích cực hóa học sinh. Để phát huy được tính tích cực của học sinh, giáo viên cần thiết kế cách tổ chức giờ học sao cho khoa học, phù hợp với cơ sở vật chất của trường, tăng cường cách tổ chức phân nhóm (không và có quay vòng), phối hợp hợp lí giữa tập đồng loạt với tập lần lượt để tăng thời gian cho học sinh *tập luyện đạt đến lượng vận động hợp lí.* Tăng cường vận dụng phương pháp trò chơi, thi đấu vào giờ học cho sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn học sinh học tập. Tạo điều kiện để học sinh tự quản, tự điều khiển và tham gia đánh giá…  - Phối hợp giữa dạy - học ở trên lớp với các hoạt động thể dục thể thao ngoại khoá (có tổ chức) và tự học, tự tập để rèn luyện cho học sinh thói quen rèn luyện thân thể và học bài môn Thể dục ngoài giờ quy đinh (tối thiểu 2 – 4 tiết/năm).  - Tổ chức kiểm tra định kì sức khoẻ học sinh vào đầu năm học, sau đó phân loại sức khoẻ tiến tới áp dụng dạy học theo nhóm sức khỏe. |

***Nhận xét chung:*** Về phương pháp giáo dục, chương trình môn GDTC năm 2018 phản ánh rõ nét hướng dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Chương trình môn Thể dục năm 2006, mặc dù thể hiện rõ nét về tiếp cận nội dung nhưng cũng đã có những đề xuất về mặt phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực cho học sinh.

**4.7. Đánh giá kết quả giáo dục**

***Bảng 7. Bảng so sánh, đối chiếu về đánh giá kết quả giáo dục***

|  |  |
| --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH 2018** | **CHƯƠNG TRÌNH 2006** |
| **1. Mục tiêu đánh giá**  Đánh giá kết quả giáo dục thể chất là hoạt động thu thập thông tin và so sánh mức độ đạt được của học sinh so với yêu cầu cần đạt của môn học nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự tiến bộ của học sinh, mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình để trên cơ sở đó điều chỉnh hoạt động dạy học và cách tổ chức quản lí nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.  **2. Nguyên tắc đánh giá**  a) Đánh giá kết quả giáo dục phải căn cứ vào mục tiêu và các yêu cầu cần đạt đối với từng lớp học, cấp học trong chương trình môn Giáo dục thể chất, theo các tiêu chuẩn đánh giá thể lực học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, chú trọng kĩ năng vận động và hoạt động thể dục thể thao của học sinh;  b) Đánh giá phải bảo đảm toàn diện, khách quan, có phân hoá; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và định kì; kết hợp giữa đánh giá của giáo viên, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học sinh, đánh giá của cha mẹ học sinh. Học sinh được biết thông tin về hình thức, thời điểm, cách đánh giá và chủ động tham gia quá trình đánh giá.  c) Đánh giá phải coi trọng sự tiến bộ của học sinh về năng lực, thể lực và ý thức học tập; có tác dụng thúc đẩy và hỗ trợ học sinh phát triển các phẩm chất và năng lực; tạo được hứng thú và khích lệ tinh thần tập luyện của học sinh, qua đó khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động thể dục thể thao ở trong và ngoài nhà trường.  **3. Hình thức đánh giá**  a) Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì  – Đánh giá thường xuyên: Bao gồm đánh giá chính thức (thông qua các hoạt động thực hành, tập luyện, trình diễn,...) và đánh giá không chính thức (bao gồm quan sát trên lớp, đối thoại, học sinh tự đánh giá,...) nhằm thu thập những thông tin về quá trình hình thành, phát triển năng lực của từng học sinh.  – Đánh giá định kì: Nội dung đánh giá chú trọng đến kĩ năng thực hành, thể lực của học sinh; phối hợp với đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin để phân loại học sinh và điều chỉnh nội dung, phương pháp giáo dục.  b) Đánh giá định tính và đánh giá định lượng  – Đánh giá định tính: Kết quả học tập được mô tả bằng lời nhận xét hoặc biểu thị bằng các mức xếp loại. Học sinh có thể sử dụng hình thức này để tự đánh giá sau khi kết thúc mỗi nội dung, mỗi chủ đề, hoặc giáo viên sử dụng để đánh giá thường xuyên (không chính thức). Đánh giá định tính được sử dụng chủ yếu ở cấp tiểu học.  – Đánh giá định lượng: Kết quả học tập được biểu thị bằng điểm số theo thang điểm 10. Giáo viên sử dụng hình thức đánh giá này đối với đánh giá thường xuyên chính thức và đánh giá định kì. Đánh giá định lượng được sử dụng chủ yếu ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông. | - Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh được căn cứ vào chuẩn kiến thức của từng bài và yêu cầu chung của cả chương trình. Dựa vào đó việc đánh giá cần coi trọng cả kiến thức, kĩ năng, ý thức cố gắng học tập và sự tiến bộ của học sinh.  Ví dụ: Một học sinh học kì I có kết quả đánh giá là chưa đạt, nhưng học kì II được đánh giá là đạt khá, nên xếp cả năm đạt khá.  - Khi kiểm tra đánh giá cần có biện pháp cụ thể giúp học sinh có sức khoẻ yếu hoặc thể chất phát triển kém có cơ hội đạt chuẩn và những học sinh có năng khiếu, thể lực tốt đạt kết quả cao hơn.  - Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo các phương thức: Đánh giá thường xuyên trong từng bài học, từng chủ đề và do giáo viên đứng lớp trực tiếp thực hiện trong giờ học; Đánh giá định kì giữa học kì, cuối học kì, cuối năm học do nhà trường tổ chức. |

***Nhận xét chung:*** Về đánh giá học sinh tiểu học, chương trình môn thể dục năm 2006 cũng đã xác định rõ những yêu cầu về đánh giá học sinh dựa theo chuẩn kiến thức, kĩ năng, tuy vậy cũng còn mang tính định hướng chung. Chương trình môn GDTC năm 2018 trình bày rõ nét hơn về đánh giá phẩm chất, năng lực người học trong môn GDTC, xác định những yêu cầu cụ thể về phương pháp và kĩ thuật đánh giá, xác định rõ việc đánh giá các thành tố của năng lực thể chất ở học sinh.

**4.8. Thiết bị dạy học**

***Bảng 8. Bảng so sánh, đối chiếu về thiết bị giáo dục***

|  |  |
| --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH 2018** | **CHƯƠNG TRÌNH 2006** |
| a) Thiết bị để minh hoạ, trình diễn: Dụng cụ mẫu để hướng dẫn tập luyện các nội dung đội hình đội ngũ, vận động cơ bản, hoạt động thể dục, các môn thể thao; tranh ảnh, băng đĩa hình kĩ thuật các hoạt động thể dục, các môn thể thao; loa, ampli, máy chiếu (projector),...  b) Thiết bị để thực hành: Dụng cụ tập luyện vận động cơ bản và các môn thể thao; dụng cụ, phương tiện tổ chức chơi các trò chơi vận động; đồng hồ bấm giây thể thao, còi, cờ, thước dây,...  c) Khu vực tập luyện: Sân tập, đường chạy, nhà tập đa năng,… | **Phụ lục : Danh mục thiết bị dạy học môn Thể dục**  Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cần có cho mỗi trường hoặc điểm trường  - Một sân tập có diện tích tối thiểu 25m x 35m đảm bảo vệ sinh, nền bằng phẳng, không có các vật gây nguy hiểm (gạch vụn, thuỷ tinh…)  - 1 thước dây 5 – 30m  - 2 – 3 bộ tranh Thể dục rèn luyện tư thế và kĩ năng vận động cơ bản (lớp 1 - 5)  - 2 – 3 bộ tranh bài Thể dục phát triển chung (lớp 1 - 5)  - 50 – 100 quả cầu (trò chơi tâng cầu)  - 20 – 50 quả bóng nhỡ bằng cao su, da hoặc bằng nhựa  - 4 – 10 quả bóng chuyền hoặc bóng đá cỡ nhỏ và 4 – 5 quả số 4 bằng da hoặc bóng nhựa nhỡ để học sinh tập chuyền, tung bóng và chơi những trò chơi vượt chướng ngại vật  - 10 dây nhảy dài  - 10 - 20 cờ đuôi nheo màu đỏ  - 2 – 4 bảng đích (bằng gỗ hoặc kẻ 2-4 vòng tròn đích trên tường gạch)  - 4 – 6 xô hoặc rổ để hoạc sinh chơi trò chơi hoặc học tung bóng vào rổ  - 40 – 50 dây nhảy cá nhân  - 8 – 10 dây nhảy dài để học sinh nhảy dây tập thể  - 2 bộ cột, bảng rổ  **2. Mỗi giáo viên cần có**  - 1 sách giáo viên thể dục lớp 1 đến 5  - 1 còi thổi  - bộ trang phục thể thao  **3.** **Danh mục thiết bị dạy học khuyến khích**  - Nhà tập, phòng tập  - 30 – 50 dây nhảy  - 1 đồng hồ bấm dây  - 2 đệm mút (0,1m x 1,2m x 2,4m)  - 2 đệm mút (0,05m x 1,2m x 2,0m)  - 1 băng hình kĩ thuật và tiết dậy mẫu cho mỗi lớp (từ 1 đến 5)  - 1 băng nhạc (để học sinh tập thể dục kết hợp với nhạc – ưu tiên bài hát hoặc nhạc của địa phương)  - 60 – 100 cờ nhỏ, hoa đeo tay, gậy, vòng… (để sử dụng khi tổ chức cho học sinh chơi trò chơi hoặc tập đồng diễn bài thể dục)  - Các sách tham khảo về thể dục thể thao |

***Nhận xét chung:*** Chương trình môn GDTC ban hành năm 2018 mô tả cụ thể

đầy đủ các thiết bị sử dụng trong quá trình dạy học rất khoa học: thiết bị để minh họa, trình diễn; thiết bị để thực hành. Đồng thời đề cập đến những yêu cầu, lưu ý khi sử dụng thiết bị trong quá trình dạy học môn GDTC theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

**4.9. Thời lượng và kế hoạch**

***Bảng 9. Bảng so sánh, đối chiếu về thời lượng, kế hoạch***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH 2018** | | |  | **CHƯƠNG TRÌNH 2006** | | |
| **Nội dung** | | **Thời lượng** | **TT** | **Nội dung học** | **Số**  **tiết học** |
| Vận động cơ bản | Đội hình đội ngũ | 20% | **1** | Đội hình đội ngũ | **14** |
| Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản | 35% | **2** | Bài thể dục phát triển chung | 12 |
| Bài tập thể dục | 10% | **3** | Bài tập rèn luyện tư thế và kĩ năng vận động cơ bản | 17 |
| Thể thao tự chọn | | 25% | **4** | Môn thể thao tự chọn | 16 |
| Đánh giá cuối học kì, cuối năm học | | 10% | **5** | Trò chơi vận động | **11** |
| ***Tổng số tiết (năm học/lớp)*** | | **70** |
| - Thời lượng: là 70 tiết/ năm học, được phân bổ cho các nội dung giáo dục với tỉ lệ (%).  - Số tuần thực học: 35 tuần.  - Mỗi tiết học: 35 phút. | | | - Thời lượng: là 70 tiết/ năm học, được phân bổ cho các nội dung giáo dục với số tiết cụ thể.  - Số tuần thực học: 35 tuần.  - Mỗi tiết học: 35 phút. | | |

***Nhận xét chung:*** Chương trình môn GDTC năm 2018 thể hiện sự tăng về thời lượng, cụ thể tăng thêm 35 tiết/ năm ở lớp 1 so với chương trình môn Thể dục năm 2006. Từ lớp 2 thời lượng của hai chương trình như nhau, cùng 70 tiết/ năm. Đồng thời chương trình thể hiện rõ tỉ lệ phần trăm (ước lượng) khối lượng kiến thức ở từng mạch nội dung nhằm giúp người đọc thấy rõ, toàn diện sự phân bổ các kiến thức trong từng lớp cũng như toàn cấp Tiểu học.

**5. Khác biệt về cấu trúc và nội dung dẫn tới sự khác biệt trong một số khía cạnh**

Sự khác biệt về cấu trúc và nội dung chương trình lớp 5 hiện hành 2006 và CT lớp 5 trong CT 2018 cho thấy sự khác nhau về Quyền của GV và nhà trường trong quá trình thực hiện chương trình GDTC; Những điểm mới về định hướng tổ chức hoạt động dạy học và năng lực hướng tới; Những điểm mới về tổ chức và triển khai hoạt động dạy học. Cụ thể:

**5.1. Về Quyền của giáo viên và nhà trường trong quá trình thực hiện chương trình GDTC**

***Bảng 10. Bảng so sánh về quyền của giáo viên và nhà trường***

|  |  |
| --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH 2018** | **CHƯƠNG TRÌNH 2006** |
| ***GV và nhà trường chủ động:***  - Sắp xếp trình tự dạy học các chủ đề phù hợp với điều kiện của nhà trường, điều kiện của vùng, miền.  - Biên soạn tiến trình thực hiện bài học, tiết học.  - Lựa chọn, sử dụng bài tập khởi động, trò chơi khởi động, trò chơi rèn luyện kĩ năng.  - Lồng ghép nội dung “Kiến thức chung” phù hợp với thời điểm sử dụng sân bãi và dụng cụ học tập.  - Biên soạn, xây dựng tiến trình dạy học các môn thể thao tự chọn.  - Điều chỉnh số tiết giữa các bài học trong một chủ đề phù hợp với điều kiện dạy học và khả năng tiếp thu của HS. | ***GV và nhà trường thực hiện theo qui định:***  - Tiến trình dạy học từ tiết 1 đến tiết 70 của môn học.  - Trình tự tiến hành một tiết học, gồm các mặt:  + Nội dung dạy học (bài tập vận động, trò chơi) .  + Thời lượng phân phối cho các nội dung và hoạt động của tiết học (khởi động, cơ bản, kết thúc).  - Thời điểm, nội dung kiểm tra đánh giá định kì. |

**5.2. Về định hướng tổ chức hoạt động dạy học và năng lực hướng tới**

***Bảng 11. Bảng so sánh về định hướng tổ chức hoạt động dạy học và năng lực hướng tới***

|  |  |
| --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH 2018** | **CHƯƠNG TRÌNH 2006** |
| - Dạy học theo định hướng phát triển năng lực, đồng thời phát triển ở HS:  + Năng lực chung (tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp *tác*; giải quyết vấn đề và sáng tạo…).  + Năng lực đặc thù (chăm sóc sức khỏe; vận động cơ bản; hoạt động TDTT).  - Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học nhằm:  + Trang bị cho HS kiến thức và kĩ năng tự học, tự rèn luyện thân thể.  + Tạo điều kiện để HS thực hành kiến thức và kĩ năng tự học, tự rèn luyện thân thể. | - Trực tiếp hình thành, phát triển kĩ năng vận động và thể lực của HS.  - Kĩ năng thực hiện các bài tập vận động của HS là sản phẩm quan trọng nhất của quá trình GDTC. |

**5.3. Về tổ chức và triển khai hoạt động dạy học**

***Bảng 12. Bảng so sánh về tổ chức và triển khai hoạt động dạy học***

|  |  |
| --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH 2018** | **CHƯƠNG TRÌNH 2006** |
| - GV là người thiết kế, tổ chức, cố vấn, trọng tài, hướng dẫn HS học tập.  - Tạo môi trường để HS chủ động tiếp thu kiến thức và kĩ năng với vai trò chủ thể.  - Tạo điều kiện để HS tự học, tự trải nghiệm, tự phát hiện bản thân và phát triển thể chất.  - Sử dụng nguyên tắc đối xử cá biệt trên diện rộng.  - Đảm bảo tính cân đối giữa các hình thức tổ chức dạy và học.  - Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của HS bằng sự tiến bộ của mỗi cá nhân so với giai đoạn trước đó. | - GV trực tiếp điều khiển mọi hoạt động của giờ học.  - HS thực hành bài tập vận động dưới sự điều khiển trực tiếp và toàn diện của GV.  - Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của HS theo một chuẩn mực chung. |

**A close up of a logo

Description automatically generated**

**Bài tập cho hoạt động 1**

1. Vì sao phải điều chỉnh nội dung chương trình môn Thể dục lớp 5 của chương trình hiện hành 2006?

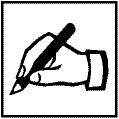
2. Học viên phân tích những điểm giống và khác nhau của môn Thể dục chương trình 2006 và môn GDTC chương trình 2018?

3. Giải thích điểm mới của chương trình môn GDTC lớp 5 chương trình 2018?

**…………………………………..**

PHẦN 2. XÁC ĐỊNH CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH MÔN THỂ DỤC LỚP 5 CHƯƠNG TRÌNH 2006 TIỆM CẬN VỚI CHƯƠNG TRÌNH 2018

Hoạt động 2. Mục đích, nội dung và cách thức điều chỉnh nội dung Chương trình môn Thể dục lớp 5 năm 2006

**Mục tiêu hoạt động** **2**

Nghiên cứu tài liệu tập huấn và tài liệu về Chương trình môn Thể dục cấp Tiểu học năm 2006 và năm 2018:

- Xác định được mục đích điều chỉnh nội dung CT hiện hành theo CT GDPT 2018 môn GDTC lớp 5

- Xác định được nội dung và cách thức điều chỉnh CT hiện hành theo CT GDPT 2018 môn GDTC lớp 5

Description: A close up of a logo

Description automatically generated**Thông tin hoạt động 2:**

Mục đích, nội dung và cách thức điều chỉnh nội dung Chương trình môn Thể dục lớp 5 năm 2006

**1. Mục đích và định hướng điều chỉnh**

Hướng dẫn điều chỉnh và thực hiện nội dung dạy học trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, và chuẩn bị cho GV cũng như nhà trường tiếp cận dần với CT GDPT mới. Định hướng điều chỉnh như sau

- Điều chỉnh, hướng dẫn thực hiện chương trình hiện hành theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; khắc phục một số hạn chế, bất cập; cập nhật một số nội dung dạy học đảm bảo phù hợp, thiết thực hơn.

- Kế thừa những chỉ đạo, hướng dẫn về điều chỉnh CT đã có và những hoạt động đổi mới đã được triển khai trong thời gian qua.

- Đảm bảo sự đồng bộ giữa mục tiêu, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, đánh giá, thi, và các điều kiện thực hiện.

- Tạo điều kiện cho các địa phương, nhà trường vận dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tăng quyền chủ động cho nhà trường, GV trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục.

**2. Nội dung điều chỉnh**

Việc hướng dẫn, điều chỉnh tập trung vào những nhóm chính sau:

+ Hướng dẫn làm rõ mức độ cần đạt ở một số nội dung trong chương trình môn Giáo dục thể chất, cấp Tiểu học để tránh đưa vào những nội dung chưa phù hợp hoặc chưa thật sự cần thiết, khó tiếp thu hoặc nhàm chán với HS.

+ Hướng dẫn tinh giản những nội dung chồng chéo không cần thiết giữa các lớp, trong một lớp, giữa các nội dung, trong một nội dung hoặc trong 1 tiết học.

+ Điều chỉnh hoặc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của chuẩn theo hướng tập trung vào những nội dung cốt lõi, điều chỉnh thời lượng của những nội dung có cường độ vận động nhẹ để tăng cường thêm thời lượng cho học sinh tập các bài tập phát triển thể lực.

+ Tổ chức, sắp xếp lại một số nội dung theo hướng tích hợp nhằm giảm sự trùng lặp không cần thiết, tạo thuận lợi cho dạy học môn Giáo dục thể chất nhằm phát triển năng lực vận động cho HS.

**3. Cách thức điều chỉnh**

- Với các nội dung được hướng dẫn làm rõ về phạm vi mức độ hoặc được tinh giản: Không ra bài tập và không kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS vào những nội dung này. Tuy nhiên, GV và HS vẫn có thể tham khảo các nội dung đó để có thêm sự hiểu biết cho bản thân. Có thể dành thời lượng của các nội dung tinh giản cho các nội dung khác hoặc sử dụng để luyện tập, củng cố, hướng dẫn thực hành cho HS.

- Những hướng dẫn giảm bớt những nội dung có cường độ vận động chưa hợp lí để tăng cường các hoạt động nhằm phát triển năng lực vận động cho học sinh; những hướng dẫn tổ chức, sắp xếp lại một số nội dung ở môn Giáo dục thể chất theo hướng tích hợp

Tùy vào thực tiễn, GV có thể đưa ra các phương án khác cũng như có thể thực hiện với những nội dung khác một cách thích hợp.

- Bên cạnh việc thực hiện các hướng dẫn về nội dung chương trình, các cấp quản lí GD, các GV cần chú ý tiếp tục đẩy mạnh đổi mới hình thức và phương pháp dạy học, đánh giá học tập và cơ chế quản lí thực hiện chương trình :

*Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học :*

+ Ở các nội dung, khi bắt đầu giảng dạy không nên yêu cầu như chuẩn ngay từ đầu, trước hết cần động viên tinh thần tích cực tập luyện của các em để các em ham thích tập luyện, trong quá trình đó sẽ chỉnh sửa dần tư thế của các em và tăng dần mức độ yêu cầu về lượng vận động cho HS để phát triển thể lực.

*+* Áp dụng đa dạng các PPDH tích cực nhằm phát triển năng lực HS. Phát huy tính chủ động tập luyện thông qua hiểu biết về cách tập, tự điều khiển và điều khiển cho bạn tập. Dành quyền chủ động tập luyện và điều khiển cho HS và tăng dần tính chủ động theo lớp.

+ Khi nhận xét cần động viên và khích lệ cho các em tự tin, từ đó tích cực tập luyện, dần dần mới tăng yêu cầu về thực hiện động tác, không nên so HS này với HS khác hoặc có những hành. Quan trọng nhất đối với các em là hoạt động tích cực. Đối với HS tiếp thu chậm, GV cần động viên và không nên yêu cầu cao mà cần phải đưa ra biện pháp chỉnh sửa để đạt yêu cầu.

+ Nâng cao vai trò của HS trong các hoạt động: chuẩn bị dụng cụ/trang thiết bị, điều khiển lớp, điều khiển nhóm, tổ chức thi đua/biểu diễn...

**+** Tăng cường tổ chức dạy học tự chọn.

**+** Chú ý xây dựng môi trường tập luyện vệ sinh, an toàn, thân thiện và khuyến khích thúc đẩy việc tập luyện tích cực của học sinh.

**+** Tăng cường sử dụng hiệu quả trang thiết bị, công nghệ thông tin, tự làm những thiết bị đơn giản.

*Về nội dung, hình thức kiểm tra, đánh giá:*

Đánh giá kết quả tập luyện Giáo dục thể chất theo định hướng phát triển năng lực cho HS. Cần kết hợp các hình thức, công cụ đánh giá như: trình bày cách tập, thực hành, đánh giá qua quan sát, tập luyện của HS theo hình thức cá nhân hoặc tổ/nhóm. Kết hợp đánh giá và tự đánh giá. Chú ý tới đánh giá mang tính tích cực nhằm thúc đẩy việc học, tự học. Không chỉ đánh giá đầu ra mà cần đánh giá cả quá trình học, đánh giá sự tiến bộ của học sinh, đánh giá ý thức, thái độ và hợp tác trong tập luyện. Nội dung đánh giá, kiểm tra cần bám sát nội dung, đồng thời căn cứ vào chuẩn KTKN trong chương trình.

*Về cơ chế thực hiện, quản lý chương trình:* Quản lí và dạy học theo chuẩn kiến thức kĩ năng (được qui định trong Chương trình GDPT – ban hành theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGD ĐT, ngày 05/5/2006). Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc chủ động, linh hoạt xây dựng kế hoạch giáo dục của các nhà trường. Thực hiện chương trình dạy học một cách linh hoạt, có thể sắp xếp, điều chỉnh lại trình tự nội dung dạy học, điều chỉnh thời lượng cho các nội dung dạy học phù hợp với khả năng, trình độ nhận thức của HS, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất. Khuyến khích tổ chức dạy học các môn tự chọn phù hợp với điều kiện của nhà trường, trình độ của GV, năng khiếu hoặc sở thích của HS...

+ Tiếp tục thực hiện Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học (Kèm theo Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011) và các hướng dẫn liên quan tới chương trình, điều chỉnh sách giáo viên Thể dục của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ấn hành năm 2017.

+ Động viên, khích lệ, phát huy vai trò chủ động, năng động, sáng tạo của giáo viên trong mọi hoạt động. Tránh chỉ đạo cứng nhắc, gò ép giáo viên vào cùng một khuôn khổ.

A picture containing text

Description automatically generated**Bài tập cho hoạt động 2**

**1**. Để xác định được nội dung điều chỉnh phù hợp, Anh/chị căn cứ vào đâu?

2. Cách thức điều chỉnh nội dung môn Thể dục lớp 5 chương trình 2006?

**Hoạt động 3. Rà soát, tinh giản nội dung dạy học môn GDTC lớp 5 hiện hành**

A close up of a logo

Description automatically generated***Mục tiêu hoạt động 3:***

- Rà soát, tinh giản nội dung dạy học môn GDTC lớp 5 hiện hành.

- Định hướng chương trình môn học điều chỉnh

- Xác định những nội dung mới cần bổ sung khi dạy học môn Thể dục lớp 5

A picture containing text

Description automatically generated

***Thông tin hoạt động 3:***

1. **Rà soát, tinh giản nội dung dạy học môn Thể dục lớp 5**

Điểm yếu của phần lớn giáo viên phổ thông hiện nay là đang dạy học chủ yếu theo phương pháp truyền thụ kiến thức một chiều cho học sinh dẫn đến hoạt động của học sinh là ghi nhớ kiến thức, kĩ năng rời rạc, có sẵn, không được vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề trong học tập và trong cuộc sống.

Xu thế phát triển chương trình và sách giáo khoa của thế giới thay đổi rất nhanh. Đầu thế kỷ 21 nhiều nước có nền giáo dục phát triển đã chuyển hướng từ coi trọng nội dung giáo dục sang phát triển năng lực người học. Chương trình môn Thể dục hiện hành lớp 5 cần phải điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Để phù hợp với con người mới của thời đại mới vừa hồng, vừa chuyên, phù hợp với kỉ nguyên kĩ thuật số bùng nổ mà vẫn bảo đảm phù hợp với tâm – sinh lí lứa tuổi và quy luật phát triển thể chất của học sinh; phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi học sinh thông qua các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục. Chương trình môn Thể dục hiện hành lớp 5 cần có tính mở, tạo điều kiện để học sinh được tập luyện vừa sức, lựa chọn các hoạt động phù hợp với thể lực, nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường; đồng thời tạo điều kiện để nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm của mỗi địa phương.

Trong chương trình môn Thể dục hiện hành lớp 5, HS được học 5 chủ đề là: Đội hình đội ngũ, rèn luyện tư thế và kĩ năng vận động cơ bản, bài Thể dục phát triển chung, trò chơi vận động và môn thể thao tự chọn. Những nội dung học ở lớp 5 dành phần lớn thời gian để ôn tập lại những nội dung đã được học từ lớp trước, nội dung ôn tập tương đối nhiều. Chủ đề đội hình đội ngũ (chương 1) hoàn toàn không có kiến thức mới mà ôn tập lại từ lớp 1, chủ đề Bài tập rèn luyện tư thế và kĩ năng vận động cơ bản (chương 3) chỉ học mới 02 nội dung (bật cao và phối hợp chạy bật nhảy) còn lại 09 nội dung (bài tập, kỹ thuật) là ôn tập ở lớp 3, 4. Chủ đề Trò chơi vận động (chương 4) có 18 trò chơi vận động ôn lại của lớp 1, 2, 3, 4 và chỉ có 8 trò chơi mới. Việc ôn, học lại nhiều bài tập, kỹ thuật và trò chơi dẫn đến sự nhàm chán cho học sinh. Vì vậy, việc điều chỉnh nội dung dạy học lớp 5 hiện hành nhằm tăng sự đa dạng, tăng hứng thú, phù hợp với lứa tuổi và phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh là việc làm rất cần thiết.

***Bảng 13. Bảng tóm tắt nội dung của môn Thể dục lớp 5 chương trình 2006***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Ôn tập**  **(Nội dung đã học các lớp 1,2,3,4)** | **Học mới** |
|  | ***Đội hình đội ngũ*** | - Cách chào, báo cáo khi bắt đầu và kết thúc giờ học, cách xin phép ra vào lớp  - Tập hợp hàng dọc, dóng hàng điểm số  - Tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ  - Quay phải, quay trái, quay sau  - Tập hợp hàng ngang, dóng hàng,, điểm số  - Dàn hàng, dồn hàng  - Đi đều thẳng hướng và vòng phải, vòng trái  - Đổi chân khi đi đều sai nhịp | Không có |
| 2 | ***Bài thể dục phát triển chung*** |  | - Động tác vươn thở  - Động tác tay  - Động tác chân  - Động tác vặn mình  - Động tác toàn thân  - Động tác thăng bằng  - Động tác nhảy  - Động tác điều hòa |
| 3 | ***Bài tập rèn luyện tư thế và kỹ năng vận động cơ bản*** | + Tung và bắt bóng bằng hai tay  + Tung bóng bằng 1 tay, bắt bóng bằng 2 tay  + Tung và bắt bóng theo nhóm 2 – 3 người  + Nhảy dây kiểu chụm hai chân  + Di chuyển tung và bắt bóng  + Bật xa  + Nhảy dây kiểu chân trước, chân sau  + Phối hợp chạy, mang vác  + Phối hợp chạy, nhảy, mang vác | - Bật cao  - Phối hợp chạy, bật nhảy |
| 4 | ***Trò chơi vận động*** | + Chạy tiếp sức  + Nhảy ô tiếp sức  + Nhảy đúng, nhảy nhanh  + Kết bạn  + Chạy đổi chỗ, vỗ tay nhau  + Bỏ khăn  + Con cóc là cậu ông trời  + Mèo đuổi chuột  + Hoàng Anh, Hoàng Yến  + Lò cò tiếp sức  + Thỏ nhảy  + Chuyển đồ vậy  + Ai kéo khỏe  + Thăng bằng  + Trao tín gậy  + Dẫn bóng  + Nhảy lướt sóng  + Lăn bóng bằng tay. | - Ai nhanh và khéo hơn  - Chạy nhanh theo số  - Chạy tiếp sức theo vòng tròn  - Bóng chuyền sáu  - Trồng nụ, trồng hoa  - Qua cầu tiếp sức  - Chuyển nhanh, nhảy nhanh  - Chuyền và bắt bóng tiếp sức |
| 5 | ***Môn thể thao tự chọn*** | - Đá cầu:  + Tâng cầu bằng đùi  + Chuyền cầu bằng mu bàn chân  + Chuyền cầu theo nhóm 2 người  - Ném bóng:  + Cách cầm bóng và đứng chuẩn bị (ném bóng 150g trúng đích)  + Phối hợp: Chuẩn bị - ngắm đích – ném vào đích  + Một số động tác phát triển thể lực | - Đá cầu:  + Tâng cầu bằng mu bàn chân  + Phát cầu bằng mu bàn chân  - Ném bóng:  + Ném bóng 150g trúng đích (Cố định hoặc di chuyển)  + Ném bóng vào rổ |

Bằng việc rà soát các chủ đề trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành dành cho lớp 5, đối chiếu nội dung các bài học trong sách giáo viên với các yêu cầu cần đạt của chủ đề trong Chương trình để tinh giản nội dung dạy học; lược bỏ những nội dung không phù hợp, cập nhật thông tin thay thế; loại bỏ những nội dung trùng lặp, ... nhằm giúp địa phương giảng dạy và vận dụng một cách linh hoạt.

**2. Định hướng điều chỉnh môn Thể dục lớp 5 CT 2006**

Khung kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục môn Thể dục lớp 5 được xây dựng và trình bày thành bảng các bài học/chủ đề đã được xây dựng sau khi tinh giản nội dung và sắp xếp theo thời gian thực hiện. Cụ thể như sau:

***Bảng 14. Bảng tinh giản một số nội dung của môn thể dục lớp 5 chương trình 2006***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chương/Bài** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** | **Lí do điều chỉnh** |
| ***1. Đội hình, đội ngũ, trò chơi vận động (từ bài 1 đến 15)*** | - Cách chào, báo cáo khi bắt đầu và kết thúc giờ học, cách xin phép ra vào lớp  - Tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ  - Tập hợp hàng dọc, dóng hàng điểm số | - Tự học có hướng dẫn.  - Dành thời gian này vào các hoạt động khác (trò chơi vận động, bài tập thể lực, đánh giá thường xuyên...) | Đã được học từ lớp 1 và đã được sử dụng các ND này khi nhận lớp và kết thúc của mỗi tiết học |
| - Quay phải, quay trái, quay sau | Ôn tập | Nội dung khó |
| - Đi đều thẳng hướng và vòng phải, vòng trái  - Đổi chân khi đi đều sai nhịp | Ôn tập | Nội dung khó |
| ***2. Bài thể dục PT chung (8 động tác)*** | Kết hợp với đạo cụ cờ/hoa, âm nhạc | Học mới |  |
| ***3. Rèn luyện tư thế và kĩ năng vận động cơ bản*** | - Tung và bắt bóng bằng hai tay  - Tung bóng bằng 1 tay, bắt bóng bằng 2 tay  - Tung và bắt bóng theo nhóm 2 – 3 người  - Nhảy dây kiểu chụm hai chân | - Ôn tập  - Giảm thời lượng, dành thời gian vào các hoạt động khác (trò chơi vận động, bài tập thể lực, đánh giá thường xuyên...) | Nội dung này đã được học và ôn tập ở lớp 3 |
| - Di chuyển tung và bắt bóng  - Bật xa  - Nhảy dây kiểu chân trước, chân sau  - Phối hợp chạy, mang vác  - Phối hợp chạy, nhảy, mang vác | - Ôn tập  - Giảm thời lượng, dành thời gian này vào các hoạt động khác (trò chơi vận động, bài tập thể lực, đánh giá thường xuyên...) | Nội dung này đã được học ở lớp 4 |
| ***4. Trò chơi vận động (Từ bài 33 đến bài 50).*** | - Chạy tiếp sức; Nhảy ô tiếp sức; Nhảy đúng, nhảy nhanh | - Thay thế bằng trò chơi khác tạo hứng thú cho HS | Đã học từ lớp 1 |
| - Kết bạn; Chạy đổi chỗ, vỗ tay nhau; Bỏ khăn; Con cóc là Cậu ông Trời. | - Thay thế bằng trò chơi khác tạo hứng thú cho HS | Đã học từ lớp 2 |
| - Mèo đuổi chuột; Hoàng Anh, Hoàng Yến; Lò cò tiếp sức; Thỏ nhảy; Chuyển đồ vật; Ai kéo khỏe. | - Thay thế bằng trò chơi khác tạo hứng thú cho HS | Đã học từ lớp 3 |
| - Thăng bằng; Trao tín gậy; Dẫn bóng; Nhảy lướt sóng; Lăn bóng bằng tay. | - Thay thế bằng trò chơi khác tạo hứng thú cho HS | Đã học từ lớp 4 |
|  | - Sử dụng trò chơi dân gian để bổ trợ khởi động  - Sử dụng trò chơi vận động vào sau hoạt động luyện tập ở các tiết học để tăng cường thể lực và phản xạ.  - Điều chỉnh lượng vận động và thay đổi hình thức khi chơi. | Có 18 trò chơi đã học ở các lớp 1, 2 3, 4 GV cần thay đổi để tránh nhàm chán, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi. |
| ***5. Thể thao tự chọn (từ bài 51 đến bài 68)*** | - Đá cầu:  + Tâng cầu bằng mu bàn chân  + Phát cầu bằng mu bàn chân  - Ném bóng:  + Ném bóng 150g trúng đích (Cố định hoặc di chuyển)  + Ném bóng vào rổ | Giáo viên chủ động lựa chọn môn thể thao phù hợp với điều kiên thực tế địa phương có trong qui định CT 2006. | Phù hợp điều kiện, trình độ, chính sách phát triển của từng địa phương |

**3. Xác định những nội dung mới cần bổ sung khi dạy học môn Thể dục lớp 5**

Để xác định những nội dung tích hợp xây dựng kế hoạch cho bài học, trước hết, cần xác định kế hoạch DH cho từng chủ đề trong CT hiện hành. Mỗi nội dung được qui định bởi số lượng bài học, tên bài, những đơn vị nhỏ của nội dung và thời lượng của nội dung đó.

***Bảng 15. Bảng tích hợp những nội dung mới***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG / CHỦ ĐỀ** | **NỘI DUNG** | | **SỐ TIẾT (DỰ KIẾN)** | |
| **BỔ SUNG** | **LÍ DO** | **2006** | **2018** |
| **1. KIẾN THỨC CHUNG** | - Chế độ ăn uống đảm bảo dinh dưỡng trong tập luyện bổ sung vào từng chủ đề | - Cập nhật theo CT môn GDTC 2018 lớp 5 | 0 tiết | Tích hợp vào từng bài học/ chủ đề |
| **2. ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ (Từ bài 1-15)** | - Đi đều thẳng hướng, vòng phải,vòng trái trái. - Đổi chân khi Đi đều sai nhịp | - Nội dung khó | 14 tiết | 14 tiết |
| **3. BÀI THỂ DỤC PHÁT TRIỂN CHUNG (Từ bài 16-32)** | - Luyện tập kết hợp đạo cụ (cờ + hoa ….) và âm nhạc | - Cập nhật theo CT môn GDTC 2018 lớp 5 | 12 tiết | 12 tiết |
| **4. RÈN LUYỆN TƯ THẾ VÀ KĨ NĂNG VẬN ĐỘNG CƠ BẢN (từ 36-50)** | - Các bài tập rèn luyện  kĩ năng lặn, lộn - Các bài tập rèn luyện  kĩ năng leo, trèo. - Trò chơi rèn kĩ năng phối hợp vận động. | - Cập nhật theo CT môn GDTC 2018 lớp 5 | 17 tiết | 24 tiết |
| **5. TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG** | - Các trò chơi vận động tích hợp vào từng chủ đề. | Củng cố nội dung đã học, bổ sung LVĐ. | 11 tiết | Tích hợp vào từng bài học/ chủ đề. |
| **6. THỂ THAO TỰ CHỌN (từ bài 51- 66)** | Lựa chọn môn thể thao phù hợp có trong qui định CT 2006. | Phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, nhà trường và lớp học. | 16 tiết | 18 tiết |
| **7. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ** |  |  |  | 02 tiết |

**Hoạt động 4. Minh hoạ điều chỉnh cấu trúc, xây dựng kế hoạch theo chủ đề môn Thể dục Chương trình 2006 tiệm cận với Chương trình 2018**

A close up of a logo

Description automatically generated***Mục tiêu hoạt động 4:***

- Minh hoạ điều chỉnh cấu trúc, phân phối nội dung chương trình môn Thể dục lớp 5 CT 2006

- Minh hoạ xây dựng kế hoạch theo chủ đề môn Thể dục Chương trình 2006 tiệm cận với Chương trình 2018.

A picture containing text

Description automatically generated

***Thông tin hoạt động 4:***

**4.1. Minh hoạ điều chỉnh cấu trúc nội dung, thời lượng chương trình môn thể dục lớp 5 CT 2006**

***Bảng 16. Bảng minh hoạ cấu trúc nội dung, thời lượng môn Thể dục lớp 5***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chương / bài** | **Số tiết theo phân phối chương trình** | | |
| **Chương trình 2006** | **Điều chỉnh** |
| 1. Kiến thức chung | 0 tiết | Tích hợp vào từng bài học/chủ đề |
| 2. Đội hình đội ngũ | 14 tiết | 14 tiết |
| 3. Bài thể dục phát triển chung | 12 tiết | 12 tiết |
| 4. Rèn luyện tư thế và kĩ năng vận động cơ bản | 17 tiết | 24 tiết |
| 5. Trò chơi vận động | 9 tiết | Tích hợp vào từng bài học/chủ đề |
| 6. Thể thao tự chọn | 16 tiết | 18 tiết |
| 7. Kiểm tra, đánh giá | 02 tiết | 02 tiết |
| **Tổng** | **70 tiết** | **70 tiết** |

**4.2. Minh hoạ xây dựng kế hoạch theo chủ đề môn thể dục chương trình 2006 sau khi đã tinh giản, tích hợp nội dung mới**

***Bảng 17. Minh hoạ chủ đề Đội hình đội ngũ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **TÊN BÀI** | **TIẾT** |
| **ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ** | Bài 1: Giới thiệu chương trình, kiến thức chung, trò chơi vận động | 1 tiết |
| Bài 2: Kiến thức chung, tập hợp hàng, quay các hướng, trò chơi vận động | 2 tiết |
| Bài 3: Kiến thức chung, đi đều, sửa chân khi sai nhịp, trò chơi vận động | 4 tiết |
| Bài 4: Kiến thức chung, đi đều vòng trái, vòng phải, trò chơi vận động | 4 tiết |
| Bài 5: Kiến thức chung, bài tập phối hợp, trò chơi vận động | 3 tiết |
| **Tổng** | | **14 tiết** |

***Kế hoạch chi tiết***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN BÀI** | **TIẾT** | **NỘI DUNG** |
| 1 | Giới thiệu chương trình - Kiến thức chung - Tổ chức lớp -Trò chơi vận động | 1 | Giới thiệu chương trình - Kiến thức chung - Tổ chức lớp - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Tập hợp hàng - Quay các hướng - Trò chơi vận động | 1 | Kiến thức chung, tập hợp hàng - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Quay các hướng - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung- Đi đều, sửa chân khi sai nhịp - Trò chơi vận động | 1 | Kiến thức chung - Đi đều - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Đi đều - Sửa chân khi sai nhịp - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Đi đều - Sửa chân khi sai nhịp - Trò chơi vận động |
| 4 | Kiến thức chung - Đi đều - Sửa chân khi sai nhịp - Trò chơi vận động |
| 4 | Kiến thức chung - Đi đều vòng trái, vòng phải - Trò chơi vận động | 1 | Kiến thức chung - Đi đều vòng trái - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Đi đều vòng phải - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Đi đều vòng trái, vòng phải - Trò chơi vận động |
| 4 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp đi đều vòng trái, vòng phải - Trò chơi vận động |
| 5 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp, trò chơi vận động | 1 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp giậm chân, đi đều, đổi chân khi đi đều sai nhịp - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp đi đều vòng trái, vòng phải, đổi chân khi đi đều sai nhịp - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp đi đều vòng trái, vòng phải, đổi chân khi đi đều sai nhịp - Trò chơi vận động. |

***Bảng 18. Minh hoạ chủ đề Bài thể dục phát triển chung***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **TÊN BÀI** | **TIẾT** |
| **BÀI THỂ DỤC PHÁT TRIỂN CHUNG** | Bài 1: Kiến thức chung - Động tác vươn thở, tay - Trò chơi vận động | 2 tiết |
| Bài 2: Kiến thức chung - Động tác chân, vặn mình, toàn thân – Trò chơi vận động | 3 tiết |
| Bài 3: Kiến thức chung - Động tác thăng bằng, nhảy, điều hòa – Trò chơi vận động | 3 tiết |
| Bài 4: Kiến thức chung - Phối hợp bài thể dục phát triển chung- Trò chơi vận động | 2 tiết |
| Bài 5: Kiến thức chung - Bài thể dục kết hợp với đạo cụ cờ/hoa - Trò chơi vận động. | 2 tiết |
| Tổng |  | 12 tiết |

***Kế hoạch chi tiết Bài thể dục phát triển chung***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN BÀI** | **TIẾT** | **NỘI DUNG** |
| 1 | Kiến thức chung - Động tác vươn thở -Động tác tay - Trò chơi vận động | 1 | Kiến thức chung - Động tác vươn thở - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Động tác tay - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Động tác chân - Vặn mình - Toàn thân – Trò chơi vận động | 3 | Kiến thức chung - Động tác chân - Trò chơi vận động |
| 4 | Kiến thức chung - Động tác vặn mình - Trò chơi vận động |
| 5 | Kiến thức chung - Động tác toàn thân - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Động tác thăng bằng nhảy - Điều hòa - Trò chơi vận động | 6 | Kiến thức chung - Động tác thăng bằng - Trò chơi vận động |
| 7 | Kiến thức chung - Động tác nhảy - Trò chơi vận động |
| 8 | Kiến thức chung - Động tác điều hòa - Trò chơi vận động |
| 4 | Kiến thức chung - Bài thể dục phối hợp với đạo cụ - Trò chơi vận động | 9 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp các động tác với đạo cụ (cờ, hoa, vong, gậy) - Trò chơi vận động |
| 10 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp với đạo cụ (cờ, hoa, vòng, gậy) - Trò chơi vận động |
| 5 | Kiến thức chung - Bài thể dục phối hợp với đạo cụ và âm nhạc - Trò chơi vận động. | 11 | Kiến thức chung - Bài thể dục với đạo cụ và âm nhạc - Trò chơi vận động |
| 12 | Kiến thức chung - Bài thể dục với đạo cụ và âm nhạc - Trò chơi vận động |

***Bảng 19. Minh hoạ chủ đề Bài tập rèn luyện tư thế và kỹ năng vận động cơ bản***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **BÀI** | **TIẾT** |
| **BÀI TẬP TT VÀ KNVĐCB** | Bài 1: Kiến thức chung - Tại chỗ tung và bắt bóng - Trò chơi vận động | 4 tiết |
| Bài 2: Kiến thức chung - Di chuyển và bắt bóng - Trò chơi vận động | 5 tiết |
| Bài 3: Kiến thức chung - Nhảy dây chụm hai chân - Phối hợp mang vác - Trò chơi vận động | 4 tiết |
| Bài 4: Kiến thức chung - Bài tập chạy và bật nhảy - Bài tập phối hợp rèn luyện kỹ năng lăn, lộn - Trò chơi vận động | 3 tiết |
| Bài 5: Kiến thức chung - Bài tập phối hợp rèn luyện kỹ năng leo, trèo - Trò chơi vận động | 4 tiết |
| Bài 6: Kiến thức chung - Bật cao - Trò chơi vận động | 4 tiết |
| Tổng số tiết |  | 24 tiết |

***Kế hoạch chi tiết***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN BÀI** | **TIẾT** | **NỘI DUNG** |
| **1** | Kiến thức chung - Tung và bắt bóng - Trò chơi vận động | 1 | Giới thiệu kiến thức chung - Tại chỗ tung và bắt bóng - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Tại chỗ tung và bắt bóng hai người - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Tại chỗ tung và bắt bóng theo nhóm - Trò chơi vận động |
| 4 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp tại chỗ tung và bắt - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Di chuyển tung và bắt bóng - Trò chơi vận động | 1 | Kiến thức chung - Di chuyển tung và bắt bóng - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Di chuyển tung và bắt bóng hai người - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung, di chuyển tung và bắt bóng theo nhóm - Trò chơi vận động |
| 4 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp di chuyển tung và bắt bóng - Trò chơi vận động |
| 5 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp di chuyển tung và bắt bóng - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Nhảy dây - Phối hợp mang vác - Trò chơi vận động | 1 | Kiến thức chung - Nhảy dây chụm 2 chân - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Nhảy dây chân trước sau - TCVĐ |
| 3 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp nhảy dây - Trò chơi vận động |
| 4 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp mang vác - Trò chơi vận động |
| 4 | Kiến thức chung - Bài tập chạy và bật nhảy - Bài tập phối hợp rèn luyện kỹ năng lăn, lộn - Trò chơi vận động | 1 | Kiến thức chung - Bài tập chạy và bật nhảy qua chương ngại vật- Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp chạy, bật nhảy - Kỹ năng lăn qua thảm - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp chạy, bật nhảy - Kỹ năng Lộn xuôi, lôn ngược - Trò chơi vận động |
| 5 | Kiến thức chung - Bài tập chạy và bật nhảy - Bài tập phối hợp rèn luyện kỹ năng leo, trèo - Trò chơi vận động | 1 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp chạy và bật nhảy - Kỹ năng leo qua chướng ngại vật - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp kỹ năng chạy và bật nhảy- Kỹ năng trèo qua các chướng ngại vật (khối gỗ, túi cát …) - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp kỹ năng chạy, bật nhảy, leo, trèo (vòng chui; thang leo) - Trò chơi vận động |
| 4 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp kỹ năng chạy, bật nhảy, leo, trèo quan chướng ngại vật (bục bật sâu, vòng chui; thang leo) - Trò chơi vận động |
| 6 | Kiến thức chung - Bật cao - Trò chơi vận động | 1 | Kiến thức chung - Bật cao - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Bật với đồ vật trên cao- Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Bật cao có đà- Trò chơi vận động |
| 4 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp bật cao - Trò chơi vận động |

*Lưu ý khi dạy Bài 4 và Bài 5: tuỳ theo điều kiện thực tế địa phương GV cần chủ động điều chỉnh bài tập một cách linh hoạt hoặc cho HS rèn luyện kỹ năng lăn, lộn, leo, trèo thông qua trò chơi vận động như trò chơi Sippe kids, Rùa và Thỏ, Rùa cõng bạn,...*

***Bảng 20. Minh hoạ chủ đề Thể thao tự chọn***

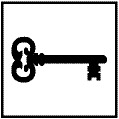
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **TÊN BÀI** | **TIẾT** |
| **ĐÁ CẦU** | Bài 1: Kiến thức chung - Làm quen với cầu - Tâng cầu bằng đùi - Trò chơi vận động | 3 tiết |
| Bài 2: Kiến thức chung - Tâng cầu bằng mu bàn chân - Trò chơi vận động | 2 tiết |
| Bài 3: Kiến thức chung - Chuyền cầu bằng mu bàn chân - Trò chơi vận động | 2 tiết |
| Bài 4: Kiến thức chung - Phát cầu bằng mu bàn chân - Trò chơi vận động | 2 tiết |
| Bài 5: Kiến thức chung - Kỹ thuật đỡ phát cầu - Trò chơi vận động | 3 tiết |
| Bài 6: Kiến thức chung - Làm quen thi đấu đơn - Trò chơi vận động | 3 tiết |
| Bài 7: Kiến thức chung - Làm quen thi đấu đôi - Trò chơi vận động | 3 tiết |
| Tổng |  | 18 tiết |

***Kế hoạch chi tiết chủ đề Thể thao tự chọn***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN BÀI** | TIẾT | **NỘI DUNG** |
| 1 | Kiến thức chung - Làm quen với cầu, tâng cầu, kiến thức chung - TCVĐ | 1 | Kiến thức chung - Làm quen với cầu và tâng cầu bằng mu bàn chân - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Tâng cầu bằng đùi - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp tâng cầu - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Tâng cầu bằng mu bàn chân- TCVĐ | 1 | Kiến thức chung - Ôn tâng cầu bằng mu bàn chân - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Ôn tâng cầu bằng mu bàn chân - Đỡ cầu bằng đùi - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Chuyền cầu bằng mu bàn chân - TCVĐ | 1 | Kiến thức chung - Chuyền cầu bằng mu bàn chân - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Chuyền cầu bằng mu bàn chân qua lưới - Trò chơi vận động |
| 4 | Kiến thức chung - Phát cầu bằng mu bàn chân - TCVĐ | 1 | Kiến thức chung - Phát cầu bằng mu bàn chân (cặp đôi không lưới ) - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Phát cầu bàng mu bàn chân (có lưới ) - Trò chơi vận động |
| 5 | Kiến thức chung - Kỹ thuật đỡ phát cầu - TCVĐ | 1 | Kiến thức chung - Phát cầu bằng mu bàn chân - Đỡ cầu bằng đùi - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Phát cầu mu bàn chân - Đỡ cầu bằng đùi - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Phối hợp đỡ phát cầu - Trò chơi vận động |
| 6 | Kiến thức chung - Làm quen thi đấu đơn - TCVĐ | 1 | Kiến thức chung - Thi tâng cầu - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Đấu tập - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Làm quen với thi đấu đơn - Trò chơi vận động |
| 7 | Kiến thức chung - Làm quen thi đấu đôi - TCVĐ | 1 | Kiến thức chung - Thi phát cầu - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Đấu tập - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Làm quen với thi đấu đôi - Trò chơi vận động |

***Bảng 21. Minh hoạ phân phối Chương trình***

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT** | **NỘI DUNG** |
| 1 | Giới thiệu chương trình - Kiến thức chung - Tổ chức lớp - Trò chơi vận động |
| 2 | Kiến thức chung - Tập hợp hàng - Trò chơi vận động |
| 3 | Kiến thức chung - Quay các hướng - Trò chơi vận động |
| 4 | Kiến thức chung - Đi đều - Trò chơi vận động |
| 5 | Kiến thức chung - Đi đều - Sửa chân khi sai nhịp - Trò chơi vận động |
| 6 | Kiến thức chung - Đi đều - Sửa chân khi sai nhịp - Trò chơi vận động |
| 7 | Kiến thức chung - Đi đều - Sửa chân khi sai nhịp - Trò chơi vận động |
| 8 | Kiến thức chung - Đi đều vòng trái - Trò chơi vận động |
| 9 | Kiến thức chung - Đi đều vòng phải - Trò chơi vận động |
| 10 | Kiến thức chung - Đi đều vòng trái, vòng phải - Trò chơi vận động |
| 11 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp đi đều vòng trái, vòng phải - Trò chơi vận động |
| 12 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp giậm chân, đi đều, đổi chân khi đi đều sai nhịp - Trò chơi vận động |
| 13 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp đi đều, vòng trái, vòng phải, đổi chân khi đi đều sai nhịp - Trò chơi vận động |
| 14 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp đi đều, vòng trái, vòng phải, đổi chân khi đi đều sai nhịp - Trò chơi vận động |
| 15 | Kiến thức chung - Động tác vươn thở - Trò chơi vận động |
| 16 | Kiến thức chung - Động tác tay - Trò chơi vận động |
| 17 | Kiến thức chung - Động tác chân - Trò chơi vận động |
| 18 | Kiến thức chung - Động tác vặn mình - Trò chơi vận động |
| 19 | Kiến thức chung - Động tác toàn thân - Trò chơi vận động |
| 20 | Kiến thức chung - Động tác thăng bằng - Trò chơi vận động |
| 21 | Kiến thức chung - Động tác nhảy - Trò chơi vận động |
| 22 | Kiến thức chung - Động tác điều hòa - Trò chơi vận động |
| 23 | Kiến thức chung - Bài thể dục kết hợp với đạo cụ (cờ, hoa, vòng, gậy) - Trò chơi vận động |
| 24 | Kiến thức chung - Bài thể dục kết hợp với đạo cụ (cờ, hoa, vòng, gậy) - Trò chơi vận động |
| 25 | Kiến thức chung - Bài thể dục kết hợp với đạo cụ và âm nhạc - Trò chơi vận động |
| 26 | Kiến thức chung - Bài thể dục kết hợp với đạo cụ và âm nhạc - Trò chơi vận động |
| 27 | Giới thiệu kiến thức chung - Tại chỗ tung và bắt bóng - Trò chơi vận động |
| 28 | Kiến thức chung - Tại chỗ tung và bắt bóng hai người - Trò chơi vận động |
| 29 | Kiến thức chung - Tại chỗ tung và bắt bóng theo nhóm - Trò chơi vận động |
| 30 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp tại chỗ tung và bắt bóng- Trò chơi vận động |
| 31 | Kiến thức chung - Di chuyển tung và bắt bóng - Trò chơi vận động |
| 32 | Kiến thức chung - Di chuyển tung và bắt bóng hai người - Trò chơi vận động |
| 33 | Kiến thức chung- Di chuyển tung và bắt bóng theo nhóm - Trò chơi vận động |
| 34 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp di chuyển tung và bắt bóng - Trò chơi vận động |
| 35 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp di chuyển tung và bắt bóng - Trò chơi vận động |
| 36 | Sơ kết học kì I |
| 37 | Kiến thức chung - Nhảy dây chụm 2 chân - Trò chơi vận động |
| 38 | Kiến thức chung - Nhảy dây chân trước sau - Trò chơi vận động |
| 39 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp nhảy dây - Trò chơi vận động |
| 40 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp mang vác - Trò chơi vận động |
| 41 | Kiến thức chung - Bài tập chạy và bật nhảy qua chướng ngại vật - Trò chơi vận động |
| 42 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp chạy, bật nhảy - Kỹ năng lăn qua thảm - Trò chơi vận động |
| 43 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp chạy, bật nhảy - Kỹ năng lộn xuôi, lộn ngược - Trò chơi vận động |
| 44 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp chạy và bật nhảy - Kỹ năng leo qua chướng ngại vật - Trò chơi vận động |
| 45 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp kỹ năng chạy và bật nhảy - Kỹ năng trèo qua chướng ngại vật (khối gỗ, túi cát,...) - Trò chơi vận động |
| 46 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp kỹ năng chạy, bật nhảy, leo, trèo qua chướng ngại vật (vòng chui, thang leo,...) - Trò chơi vận động |
| 47 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp kỹ năng chạy, bật nhảy, leo, trèo qua chướng ngại vật (vòng chui, thang leo,...) - Trò chơi vận động |
| 48 | Kiến thức chung - Bật cao - Trò chơi vận động |
| 49 | Kiến thức chung - Bật với đồ vật trên cao - Trò chơi vận động |
| 50 | Kiến thức chung - Bật cao có đà - Trò chơi vận động |
| 51 | Kiến thức chung - Bài tập phối hợp bật cao - Trò chơi vận động |
| 52 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 53 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 54 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 55 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 56 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 57 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 58 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 59 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 60 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 61 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 62 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 63 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 64 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 65 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 66 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 67 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 68 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 69 | Kiến thức chung - Môn thể thao tự chọn - Trò chơi vận động |
| 70 | Tổng kết năm học |



**Bài tập cho hoạt động 4**

1. Anh/chị hãy lập bảng nội dung CT môn GDTC lớp 5, sau đó đánh dấu vào những nội dung cần tinh giản, lược bỏ hoặc điều chỉnh.

2. Anh/chị trao đổi với đồng nghiệp về bài tập 1, thống nhất nội dung cần điều chỉnh, sau đó hoàn thiện bảng điều chỉnh về nội dung chương trình môn GDTC trong năm học mới.

PHẦN 3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN DẠY HỌC MÔN THỂ DỤC LỚP 5 THEO NHỮNG ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH

Hoạt động 5. Xác định các phẩm chất, năng lực cần hình thành và phát triển cho học sinh lớp 5 thông qua dạy học môn thể dục theo CT mới 2018

**A close up of a logo

Description automatically generatedMục tiêu hoạt động** **5**

* Xác định và phân tích được khái niệm năng lực và vận dụng trong dạy học phát triển năng lực học sinh

- Phân tích được các phẩm chất chủ yếu, các năng lực cốt lõi và năng lực đặc thù cần hình thành và phát triển cho học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp 5 nói riêng thông qua học tập môn thể dục.

A picture containing text

Description automatically generated**Thông tin hoạt động 5**

***1*. Năng lực và dạy học phát triển năng lực học sinh**

Năng lực chỉ tồn tại trong quá trình vận động, phát triển của một hoạt động cụ thể. Năng lực vừa là mục tiêu, vừa là kết quả hoạt động, nó là điều kiện của hoạt động, nhưng cũng phát triển trong chính hoạt động đó. Quá trình dạy học, giáo dục nhằm hình thành, rèn luyện, phát triển năng lực ở cá nhân tất yếu phải đưa cá nhân tham gia vào các hoạt động.

Nói đến năng lực là nói tới một kết quả nào đó của một công việc cụ thể, do một con người cụ thể thực hiện (năng lực học tập, năng lực tư duy, năng lực tự quản lý bản thân, … Vậy không tồn tại năng lực chung chung. Năng lực là sự tác động của một cá nhân cụ thể tới một đối tượng cụ thể để có một sản phẩm nhất định.

*a) Phân biệt năng lực với kiến thức, kỹ năng, thái độ:*

Kiến thức: Những hiểu biết có được của con người về thế giới tự nhiên và xã hội nhờ học tập trong trường và từng trải trong thực tế cuộc sống.

Kỹ năng: Khả năng thực hiện đúng hành động, hoạt động phù hợp với những mục tiêu và điều kiện cụ thể tiến hành hành động ấy. Kĩ năng về cơ bản được cấu tạo bởi chuỗi các thao tác hành vi (hay ứng xử) của cá nhân, được sắp xếp theo một cấu trúc nhất định.

Thái độ: Cách nhìn, cách nghĩ, cách hành động trên cơ sở nhận thức chủ quan trước một vấn đề, một tình hình. Thái độ luôn chứa đựng ý thức rõ ràng về mục đích và hành động của chủ thể và có tác dụng chi phối nhất định tới hoạt động thực tiễn của cá nhân.

Năng lực: Được cấu thành từ những bộ phận cơ bản:

- Kiến thức về lĩnh vực hoạt động;

- Kỹ năng tiến hành hoạt động;

- Những điều kiện tâm lí để tổ chức và thực hiện tri thức, kỹ năng đó trong một cơ cấu thống nhất và theo một định hướng rõ ràng, chẳng hạn ý chí- động cơ, tình cảm- thái độ đối với nhiệm vụ,…

Như vậy, “Kĩ năng” chỉ là một yếu tố cơ bản và quan trọng cấu thành nên năng lực. Đôi khi năng lực có thể thể hiện dưới dạng kỹ năng, kĩ xảo (khả năng thực hiện thành thục một loại hoạt động nào đấy trong một hoặc nhiều bối cảnh khác nhau). Đồng thời, nếu chỉ có kiến thức, kỹ năng, thái độ,... một cách riêng rẽ thì cũng không tạo thành năng lực mà phải có sự kết hợp linh hoạt và có tổ chức các thành tố này.

Phát triển năng lực cần dựa trên cơ sở phát triển các thành phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ), trong đó phải được “thực hành”, huy động tổng hợp các thành phần trong các tình huống đa dạng, từ đó mà năng lực được hình thành, phát triển.

*b) Quan hệ giữa nội dung kiến thức và năng lực*

Tiếp cận năng lực được cụ thể hóa bằng một sản phẩm nhân cách với các phẩm chất và năng lực làm tiêu điểm hướng tới của tất cả các yếu tố cấu thành Chương trình mới, đó là: nội dung, phương thức, hình thức dạy học, giáo dục; kiểm tra- đánh giá, quản lý, kiểm định chất lượng; kế hoạch giáo dục; mô hình hoạt động của nhà trường phổ thông; năng lực nghề nghiệp giáo viên. Vì vậy, Chương trình giáo dục theo tiếp cận năng lực còn được gọi là chương trình theo tiếp cận chuẩn đầu ra.

Năng lực và nội dung kiến thức đều có vai trò vừa là mục tiêu, vừa là nội dung giáo dục hình thành nhân cách. Trong mối quan hệ năng lực -nội dung có tác động hai chiều. năng lực được cấu trúc bởi kiến thức, kỹ năng, thái độ. Như vậy, muốn có năng lực ắt phải có kiến thức, muốn có thái độ tất yếu phải tổ chức cho người học hoạt động, đến lượt mình hoạt động chỉ thực hiện được bằng việc vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết một nhiệm vụ có giá trị trong một bối cảnh nhất định. Nội dung kiến thức vừa có chức năng nguyên liệu- là “Cái” để chủ thể nhận thức gia công trí tuệ trong quá trình giải quyết vấn đề có giá trị nhận thức và đời sống, qua đó hình thành được phương thức hành động, tức là biết “Cách” làm. Hoạt động lại được xuất hiện trong tình huống sư phạm. Kiến thức là thành tố chính của năng lực nên khi thiết kế bài học, giáo viên phải lựa chọn cấu trúc, thành phần nội dung kiến thức sao cho có giá trị trong nhận thức và đời sống.

Các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của học sinh, trong đó giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích luỹ được để phát triển.

Các hoạt động học tập của học sinh bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học, đặc biệt là công cụ tin học và các hệ thống tự động hoá của kĩ thuật số.

Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết; thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham gia xêmina, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tuỳ theo mục tiêu, tính chất của hoạt động, HS được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HS được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

**2. Các phẩm chất chủ yếu cần hình thành và phát triển cho học sinh trong chương trình mới 2018**

***Bảng 22. Các phẩm chất chủ yếu cần hình thành và phát triển cho học sinh trong chương trình mới 2018***

|  |  |
| --- | --- |
| **Phẩm chất** | **Cấp tiểu học** |
| **Yêu nước** | |
|  | * Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên.   Yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các biểu trưng của đất nước.  – Kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa đối với những người có công với quê hương, đất nước. |
| **Nhân ái** | |
| Yêu quý mọi người | – Yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình. |
| – Yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè. |
| * Tôn trọng người lớn tuổi; giúp đỡ người già, người ốm yếu, người khuyết tật; nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ. * Biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai. |
| Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người | * Tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình. * Không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn. * Sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn. |
| **Chăm chỉ** | |
| Ham học | * Đi học đầy đủ, đúng giờ. * Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập. * Ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết. |
| – Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày. |
| Chăm làm | * Thường xuyên tham gia các công việc của gia đình vừa sức với bản thân. * Thường xuyên tham gia các công việc của trường lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân. |
| **Trung thực** | |
|  | * Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình. * Luôn giữ lời hứa; mạnh dạn nhận lỗi, sửa lỗi và bảo vệ cái đúng, cái tốt. * Không tự tiện lấy đồ vật, tiền bạc của người thân, bạn bè, thầy cô và những người khác. |
|  | – Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống. |
| **Trách nhiệm** | |
| Có trách nhiệm  với bản thân | – Có ý thức giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khoẻ. |
| – Có ý thức sinh hoạt nền nếp. |
| Có trách nhiệm với gia đình | – Có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ dùng cá nhân và gia đình. |
| – Không bỏ thừa đồ ăn, thức uống; |
| có ý thức tiết kiệm tiền bạc, điện nước trong gia đình. |
| Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội | * Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; giữ vệ sinh chung; bảo vệ của công. * Không gây mất trật tự, cãi nhau, đánh nhau. * Nhắc nhở bạn bè chấp hành nội quy trường lớp; nhắc nhở người thân chấp hành các quy định, quy ước nơi công cộng. * Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp. * Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi. |
| Có trách nhiệm với môi trường sống | * Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích. * Có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi. |
| – Không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên. |

3. Các năng lực cốt lõi trong chương trình GDPT 2018

Bảng 23. Các năng lực cốt lõi trong chương trình GDPT 2018

|  |  |
| --- | --- |
| **Năng lực** | **Cấp tiểu học** |
| **Năng lực tự chủ và tự học** | |
| Tự lực | Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn. |
| Tự khẳng định  và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng | Có ý thức về quyền và mong muốn của bản thân; bước đầu biết cách trình bày và thực hiện một số quyền lợi và nhu cầu chính đáng. |
| Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình | – Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân; biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bản thân với người khác. |
| – Hoà nhã với mọi người; không nói hoặc làm những điều xúc phạm người khác. |
| – Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác. |
| Thích ứng với cuộc sống | – Tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề. |
| – Thực hiện được các nhiệm vụ khác nhau với những yêu cầu khác nhau. |
| Định hướng nghề nghiệp | – Bộc lộ được sở thích, khả năng của bản thân. |
| – Biết tên, hoạt động chính và vai trò của một số nghề nghiệp; liên hệ được những hiểu biết đó với nghề nghiệp của người thân trong gia đình. |
| Tự học, tự hoàn thiện | – Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học. |
| – Nhận ra và sửa chữa sai sót trong bài kiểm tra qua lời nhận xét của thầy cô. |
| – Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết. |
| – Có ý thức học tập và làm theo những gương người tốt. |
| **Năng lực giao tiếp và hợp tác** | |
| Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp | – Nhận ra được ý nghĩa của giao tiếp trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân. |
| – Tiếp nhận được những văn bản về đời sống, tự nhiên và xã hội có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh như truyện tranh, bài viết đơn giản. |
| – Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng. |
| – Tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp. |
| Thiết lập,phát triển các quan hệ  Xã hội;điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn | – Biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn. |
| – Nhận ra được những bất đồng, xích mích giữa bản thân với bạn hoặc giữa các bạn với nhau; biết nhường bạn hoặc thuyết phục bạn. |
| Xác định mục đích và phương thức hợp tác | - Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô. |
| Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân | Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công. |
| Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác | Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để đề xuất phương án phân công công việc phù hợp. |
| Tổ chức và thuyết phục người khác | Biết cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành việc được phân công. |
| Đánh giá hoạt động hợp tác | Báo cáo được kết quả thực hiện nhiệm vụ của cả nhóm; tự nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân theo hướng dẫn của thầy cô. |
| Hội nhập quốc tế | * Có hiểu biết ban đầu về một số nước trong khu vực và trên thế giới. * Biết tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế theo hướng dẫn của nhà trường. |
| **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo** | |
| Nhận ra ý tưởng mới | Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn. |
| Phát hiện và làm rõ vấn đề | Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi. |
| Hình thành và triển khai ý tưởng mới | Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới  đối với bản thân và dự đoán được kết quả khi thực hiện. |
| Đề xuất, lựa chọn giải pháp | Nêu được cách thức giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn. |
| Thiết kế và tổ chức hoạt động | – Xác định được nội dung chính và cách thức hoạt động để đạt mục tiêu đặt ra theo hướng dẫn.  – Nhận xét được ý nghĩa của các hoạt động. |
| Tư duy độc lập | Nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng xung quanh; không e ngại nêu ý kiến cá nhân trước các thông tin khác nhau về sự vật, hiện tượng; sẵn sàng thay đổi khi nhận ra sai sót. |

**4. Năng lực đặc thù môn Giáo dục thể chất**

Chương trình môn Giáo dục thể chất giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực thể chất với các thành phần sau: năng lực chăm sóc sức khỏe, năng lực vận động cơ bản, năng lực hoạt động thể dục thể thao.

***4.1. Năng lực chăm sóc sức khỏe;***

– Biết và bước đầu thực hiện vệ sinh sinh cá nhân, vệ sinh cá nhân, vệ sinh chung và vệ sinh trong tập luyện TDTT.

- Biết và bước đầu thực hiện được một số yêu cầu cơ bản của chế độ dinh dưỡng để bảo vệ, tăng cường sức khoẻ.

– Nhận ra và bước đầu có ứng xử thích hợp với một số yếu tố cơ bản của môi trường tự nhiên có lợi và có hại cho sức khoẻ.

***4.2. Năng lực vận động cơ bản***

– Nhận biết được các vận động cơ bản trong chương trình môn học.

– Thực hiện được các kĩ năng vận động cơ bản.

– Có ý thức thường xuyên vận động để phát triển các tố chất thể lực.

***4.3. Năng lực hoạt động TDTT***

– Nhận biết được vai trò của hoạt động thể dục thể thao đối với cơ thể.

– Thực hiện được kĩ thuật cơ bản của một số nội dung thể thao phù hợp với bản thân.

– Tự giác, tích cực trong tập luyện thể dục thể thao.

Yêu cầu cần đạt về năng lực thể chất đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học được quy định trong chương trình môn Giáo dục thể chất và được thực hiện trong chương trình của nhiều môn học, hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học và hoạt động giáo dục, trong đó môn Giáo dục thể chất là chủ đạo.

**A close up of a logo

Description automatically generated**

**Bài tập cho hoạt động 5**

**1.** Phân tích được khái niệm năng lực

2. Phân tích được các phẩm chất chủ yếu, các năng lực cốt lõi và năng lực đặc thù cần hình thành và phát triển cho học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp 5 nói riêng thông qua học tập môn GDTC.

Hoạt động 6. Hướng dẫn sử dụng phương pháp dạy học hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đối với môn GDTC

A close up of a logo

Description automatically generated**Mục tiêu hoạt động 6:**

- Học viên lựa chọn và xác định được PP, kĩ thuật dạy học phát triển NL HS

- Học viên áp dụng được một số phương pháp và kỹ thuật dạy học phát triển PC, NL đặc thù áp dụng vào dạy học môn Thể dục lớp 5 năm 2006

A picture containing text

Description automatically generated

**Thông tin hoạt động 6:**

***1. Lựa chọn và xác định phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển NL HS***

*1.1. Cơ sở lựa chọn phương pháp, kĩ thuật dạy học*

Sau khi xác định được mục tiêu và nội dung bài học, GV cần lựa chọn và vận dụng PP DH, kỹ thuật DH thích hợp sao cho giúp HS giải quyết được nhiệm vụ học tập, chiếm lĩnh được nội dung tương ứng và đạt được mục tiêu phát triển NL của mình. Trong các hoạt động DH của GV, hoạt động lựa chọn PPDH và kĩ thuật DH là hoạt động GV hoàn toàn được trao quyền tự chủ, là hoạt động GV thể hiện được bản lĩnh chuyên môn và tài năng của mình.

Trong DH, điều quan trọng nhất không phải là HS tiếp thu, hình thành được những KT, KN, thái độ gì, mà là HS giải quyết nhiệm vụ học tập, chiếm lĩnh những nội dung đó như thế nào, phát triển được NL gì. Do đó, có thể khẳng định rằng quá trình học tập quan trọng hơn kết quả. Bởi lẽ, quá trình học tập phù hợp sẽ dẫn đến kết quả đúng đắn, còn kết quả đúng chưa hẳn nhờ quá trình đúng và chưa chắc đã bảo đảm phát triển được NL HS. Vì vậy, cần coi PP DH là yếu tố cốt lõi ảnh hưởng mạnh mẽ đến phát triển NL HS. Việc lựa chọn PPDH và kĩ thuật DH phát triển NL HS trên cơ sở căn cứ và những yếu tố sau:

***1/*** Căn cứ vào *mục tiêu* bài học đã xác định. Vì mục tiêu bài học là phát triển NL HS, khi đó GV cần vận dụng những PP mà HS tiểu học thể hiện rõ vai trò chủ thể tích cực, ví như các PP: giải quyết vấn để, thảo luận nhóm, tổ chức trò chơi, thi đấu.

2/ Căn cứ vào *nội dung* bài học đã dự kiến: Nội dung được cụ thể hóa qua các hoạt động của HS (mở đầu, hình thành KT, luyện tập, vận dụng, mở rộng).

Đối với hoạt động mở đầu: Để huy động KT, KN, kinh nghiệm, kích hoạt tư duy … của HS, những PP có thể được vận dụng ở các hoạt động này là: thảo luận nhóm, vấn đáp, thảo luận lớp, trò chơi, ...

*Ví dụ:* Khi dạy chủ đề "bài tập thể dục" lớp 1, đối với hoạt động mở đầuGV cần sử dụng PP "trò chơi" để tạo hứng thú, hưng phấn cho HS đồng thời chuẩn bị tốt về mặt thể lực để tạo sự tích cực khi học KT, kỹ thuật bài mới.

Đối với hoạt động hình thành KT, tùy tính chất, nội dung bài học và các điều kiện thực hiện, những PP có thể được vận dụng là khác nhau, như: Giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, tổ chức trò chơi …

Ví dụ: Khi dạy chủ đề "bài tập thể dục" lớp 1, đối với hoạt động hình thành KT: GV cần sử dụng các PP khác nhau như PP làm mẫu, PP thảo luận, PP sử dụng lời nói, ... *thảo luận nhóm* (các nhóm HS nghiên cứu, quan sát tranh ảnh và động tác làm mẫu bài thể dục của GV về tư thế, tác phong, phản xạ, động tác ...); *báo cáo* (các em chia sẻ, báo cáo kết quả tìm hiểu về động tác, bài tập của nhóm mình trước lớp); *thảo luận lớp* (HS tổng hợp các ý kiến, đưa ra ý kiến chung nhất của các nhóm). GV phân tích giảng giải để HS khái quát hóa được KT về bài tập thể dục.

Đối với hoạt động luyện tập: Để giúp HS hình thành KN, có thể vận dụng các PP: Giải quyết vấn đề, tổ chức trò chơi, thảo luận nhóm …

Ví dụ: Khi dạy chủ đề "Bài tập thể dục" lớp 1, đối với hoạt động thực hành: Một trong những PP quan trọng đó là PP luyện tập, trò chơi và thi đấu. Việc sử dụng PP trò chơi, thi đấu sẽ làm gia tăng sự hưng phấn, thi đua giữa các cá nhân, các nhóm, tổ.

Đối với hoạt động vận dụng: Để giúp HS vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống, có thể vận dụng những PP như: giải quyết vấn đề, dự án, ...

3/ Căn cứ vào *khả năng* của HS trong lớp: Ở mỗi lớp, HS có những kinh nghiệm, khả năng tham gia thực hiện các nhiệm vụ học tập liên quan đến phương pháo DH đã từng được vận dụng, ví dụ như trò chơi - có lớp có HS đã quen với việc tham gia, thực hiện, có thể có lớp chưa từng biết tới. Khi đó, việc vận dụng PP tổ chức trò chơi đối với những lớp đã có kinh nghiệm rõ ràng thuận lợi hơn. Đối với những lớp thiếu kinh nghiệm, GV cần hướng dẫn các em một cách tỉ mỉ, chi tiết, cụ thể hơn.

4/ Căn cứ vào *phương tiện, cơ sở vật chất* phục vụ cho việc tổ chức bài học: Việc vận dụng PP DH phát triển NL HS thường cần có những phương tiện DH này chủ yếu dành cho HS (tranh ảnh, mẫu vật, dụng cụ …) nhằm giúp các em sử dụng chúng, sử dụng các thao tác tư duy (như phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa …) để giải quyết vấn đề, phát hiện, tìm ra tri thức mới, hình thành KN, bày tỏ thái độ và từ đó, phát triển các NL. Khi đó, GV cần dự kiến và chuẩn bị nguồn phương tiện cần thiết cho việc vận dụng PP.

5/ Căn cứ vào *thời gian* thực hiện bài học: theo quy định hiện hành, mỗi tiết học được thực hiện trong khoảng 35 phút và được GV phân phối hợp lí cho từng hoạt động của tiết. Thực tế cho thấy, các PP DH phát triển NL tốn nhiều thời gian hơn. Do đó, tùy thuộc vào quỹ thời gian dành cho hoạt động, GV vận dụng và "gia công" PP tương ứng cho phù hợp và hiệu quả.

6/ Căn cứ vào *điều kiện thực tiễn cuộc sống* địa phương phục vụ bài học: Những yếu tố liên quan đến điều kiện thực tiễn cuộc sống địa phương (các sự vật, sự việc, hiện tượng) cần thiết cho việc tổ chức các hoạt động khác nhau và nhất là hoạt động ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn cuộc sống HS. Khi đó, GV cần cân nhắc: HS cần tham gia, thực hiện hoạt động gì, để tổ chức hoạt động này cần những điều kiện thực tiễn gì, chúng có tồn tại ở địa phương, có thuận lợi đối với việc tổ chức hoạt động của HS hay không, cần vận dụng phương pháp tương ứng gì.

*1.2. Tiêu chí đánh giá phương pháp, kĩ thuật dạy học*

Phát huy hứng thú học tập, thúc đẩy sự tham gia của người học. Tạo thách thức nhận thức phù hợp với tâm sinh lí của học sinh. Khuyến khích tự chủ, tích cực của người học. Đa dạng, đảm bảo phân hóa trong, phù hợp nhịp độ học tập. Được biểu hiện qua hoạt động học tập, thực hành, trải nghiệm.

*1.3. Lựa chọn phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển NL HS*

Lựa chọn phương pháp dựa vào nội dung: cần phân tích đặc điểm nội dung dạy học để lựa chọn phương pháp phù hợp. Nội dung phần GDTC ở cấp tiểu học chủ yếu chia thành các cặp đặc điểm sau: xa lạ và mới với học sinh 🡨🡪 gần gũi và học sinh đã có trải nghiệm; trừu tượng và khó hiểu 🡨🡪 cụ thể và dễ hiểu; kiến thức 🡨🡪 hành động. Ví dụ: với những nội dung xa lạ và mới với học sinh, có thể phải diễn giải, minh họa để học sinh tiếp cận dễ dàng với kiến thức mới. Ngược lại, với những nội dung học tập gần gũi, có thể đàm thoại, khai thác những kinh nghiệm đã có của học sinh, hệ thống hóa và dẫn dắt tới kiến thức mới được đề cập trong bài học. Ví dụ, ở chủ đề "Tư thế và kỹ năng vận động cơ bản", bài 1 "Vận động của Đầu, Cổ"; bài 2 "Vận động của Tay"; bài 3 "Vận động của Chân" là những nội dung gần gũi, dễ hiểu GV có thể khai thác những hiểu biết đã có của HS từ đó lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển NL HS phù hợp như phương pháp trực quan, kĩ thuật động não, kỹ thuật mảnh ghép,...

Lựa chọn phương pháp dựa vào mục tiêu: mục tiêu bài học sử dụng động từ để thể hiện các cấp độ nhận thức khác nhau. Ở cấp độ thấp như trình bày, liệt kê, kể tên…có thể sử dụng các phương pháp như thuyết trình, trực quan. Ở các cấp độ cao hơn như phân tích, so sánh, liên hệ, vận dụng,…có thể sử dụng các phương pháp học tập theo nhóm, dạy học dự án, dạy học giải quyết vấn đề…Phát triển năng lực, phẩm chất qua phương pháp dạy học: nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực góp phần chủ yếu vào hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực.

**2. Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học phát triển PC, NL đặc thù áp dụng vào dạy học môn Thể dục**

Nhóm các phương pháp dùng lời: Phương pháp phân tích, giảng giải; mệnh lệnh, đánh giá…

Nhóm các phương pháp trực quan: Trực quan trực tiếp (Làm mẫu, tập thử - thể nghiệm), trực quan gián tiếp (trưng bày tranh ảnh mô hình, nghe băng hình…)

Nhóm các phương pháp tập luyện: Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ (phân chia, nguyên vẹn, ổn định, biến đổi); phương pháp tập luyện có định mức từng phần (trò chơi, thi đấu).

Dạy học hợp tác

***2.1 Nhóm các phương pháp dùng lời nói.***

2.1.1. Khái niệm: Đó là phương pháp dùng các loại hình ngôn ngữ để chỉ đạo học sinh trong quá trình dạy học GDTC nhằm đạt được các nhiệm vụ, yêu cầu trong hoạt động này. Phương pháp đó giúp học sinh nhận rõ nhiệm vụ học tập; xác định thái độ học tập đúng; khêu gợi tư duy tích cực; hiểu và nắm vững nhanh nội dung dạy học (kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật, thể lực); bồi dưỡng năng lực tự phân tích và giải quyết vấn đề.

2.1.2. Phân loại: Nhóm các phương pháp dùng lời nói bao gồm các phương pháp cụ thể sau:

+ Phương pháp phân tích, giảng giải:

+ Đánh giá thành tích bằng lời nói

+ Phương pháp mệnh lệnh

2.1.3. Cách tiến hành

1. *Bước 1****:*** GV chuẩn bịnội dung bài học (dạy động tác mới, ôn tập, bài phát triển các tố chất thể lực…) hoặc chủ đề chuyên môn có liên quan (phong trào hoạt động môn thể thao tự chọn, luật thi đấu, các yếu tố vệ sinh trong tập luyện TDTT…). GV cần xác định mục tiêu và yêu cầu cần đạt phù hợp nội dung bài học góp phần phát triển phẩm chất chủ yếu, NL chung và NL thể chất cho HS.
2. *Bước 2:*GV tổchức lớp theo nhóm hoặc đồng loạt kết hợp phương pháp sửdụng lời nói đểphân tích (làm mẫu), giảng giải động tác mới/phát triển các tố chất thể lực hoặc dạy các chủđề khác có liên quan đến việc học thực hành.

*Bước 3:*Khi HS tiếp nhận nhiệm vụvà sẵn sàng tập luyện, GV quan sát và khuyếnkhích HS phản hồi các thông tin cá nhân hoặc nhận xét các bạn cùng thực hiện. Bằng PP sử dụng lời nói, GV kịp thời điều chỉnh chuỗi hoạt động học theo mục tiêu và yêu cầu cần dạt. GV nên đặt những câu hỏi gợi mở (mô tả những tình huống giả định khác nhau) để HS chia sẻ những khó khăn thuận lợi trong quá trình thực hiện, từ đó giúp GV tổ chức các hoạt động phù hợp với người học trong thực tiễn giờ học. Song song đó, HS chia sẻ quan điểm cá nhân/nhóm để GV định hướng giúp các em có thể lựa chọn phương án vận dụng thực tế những chủ đề được học.

*Bước 4****:*** Nhận xét các thông tin phản hồi từHS và chia sẻ trước lớp việc thực hiệncác nhiệm vụ vận động với mục tiêu của chủ đề. Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu cần đạt của HS thông qua các hoạt động cụ thể.

2.1.4. Ưu điểm: GV có thể cung cấp một lượng thông tin lớn trong một khoảng thời gian ngắn, cùng một lúc có thể chuyển tải thông tin đến nhiều HS. Các thông tin đã được GV chọn lọc và sắp xếp hợp lí giúp HS dễ hiểu và dễ tiếp nhận. GV cũng có thể truyền cảm xúc và niềm tin đến HS và cung cấp thêm những thông tin cập nhật hoặc kinh nghiệm không có trong sách vở.

2.1.5. Nhược điểm: HS ở trạng thái bị động, chưa đạt hiệu quả cao khi dạy cho HS cách giải quyết vấn đề và còn hạn chế nếu dùng để dạy học động tác. Hiệu quả của dạy học môn GDTC phụ thuộc nhiều vào NL và nghệ thuật thuyết trình của GV.

2.1.6. Một số lưu ý

Nhóm các phương pháp dùng lời nói là một cách thức (phương pháp) tạo nên hình ảnh gián tiếp về kỹ thuật bài tập. Là cách thức để người giáo viên thực hiện các chức năng chuyên môn của mình: lãnh đạo, tổ chức, điều khiển giờ học. Trong giờ học GDTC, phần lớn thời gian dành cho học sinh tập luyện là chủ yếu cho nên lời nói để phân tích, giảng giải, đánh giá… phải ngắn gọn, chính xác, dễ hiểu, có hình ảnh kèm theo, phù hợp với đối tượng (lứa tuổi), tốn ít thời gian nhất. Vấn đề thuật ngữ và khẩu lệnh có ý nghĩa rất quan trọng trong giờ GDTC do đó: Thuật ngữ phải ngắn gọn, dễ hiểu, phản ánh được khâu cơ bản của động tác. Khẩu lệnh phải rõ ràng, dứt khoát, có dự lệnh và động lệnh cụ thể, khẩu lệnh có ý nghĩa dùng để giáo dục, chỉ huy, biến hóa, sửa sai và chuyển động tác.

Ví dụ: Khi muốn điều chỉnh đội hình đội ngũ giáo viên sử dụng lời nói bằng phương pháp ra lệnh (khẩu lệnh). Hoặc khi muốn học sinh nắm được cách thức thực hiện một kỹ thuật động tác giáo viên phải sử dụng phương pháp lời nói để phân tích….

***2.2. Nhóm các phương pháp trực quan***

2.2.1. Khái niệm:

Trực quan là sử dụng rộng rãi các cảm giác và các cơ quan cảm thụ khác để tiếp xúc trực tiếp với hiện thực xung quanh (sự huy động các giác quan tham gia vào quá trình rèn luyện kỹ năng, hình thành kỹ xảo vận động và tiếp thu các tri thức có liên quan đến GDTC).

2.2.2. Phân loại: Nhóm các phương pháp trực quan bao gồm: Trực quan trực tiếp: làm mẫu, thể nghiệm (tập thử) và Trực quan gián tiếp: tranh, ảnh, hình vẽ, âm thanh, tín hiệu, vật chuẩn…

2.2.3. Quy trình thực hiện

*Phương pháp trực quan trực tiếp*

Phương pháp trực quan trực tiếp có thể tiến hành theo các bước sau:

*Bước 1\_* Xác định đối tượng làm mẫu: 1 người (GV) hay 1 nhóm người (GV và HS); xác định đối tượng quan sát: HS lớp mấy?

*Bước 2 \_* Nêu nội dung (tên động tác) và nhiệm vụ khi quan sát.Chọn vị trí thích hợp sao cho đảm bảo an toàn và dễ quan sát.

*Bước 3 \_*  Thực hiện toàn bộ động tác với tốc độ trung bình.

*Bước 4 \_*  Vừa thực hiện chậm từng chi tiết kĩ thuật động tác vừa giải thích và nhắc HS quan sát những điểm mấu chốt của kĩ thuật.

*Bước 5 \_*  Thực hiện hoàn chỉnh toàn bộ động tác.

*Phương pháp trực quan gián tiếp*

Phương pháp trực quan gián tiếp có thể tiến hành theo các bước sau:

*Bước 1 \_* Xác định vị trí để giáo cụ trực quan cho hợp lý và dễ quan sát.

*Bước 2 \_* Nêu nội dung và nhiệm vụ khi quan sát.

*Bước 3 \_* Giới thiệu chậm từng chi tiết của nội dung.

*Bước 4 \_*  Giải đáp thắc mắc hoặc nhấn mạnh lại những chi tiết cần lưu ý của nội dung đó.

2.2.4. Ưu điểm

Sử dụng các phương pháp trực quan giúp học sinh: Bước đầu hình dung mấu chốt động tác và cách thức thực hiện động tác. HS nắm được những yêu cầu cơ bản của kỹ thuật đồng thời phương pháp này cũng tác động đến cả quá trình giáo dục, đạo đức, thẩm mĩ … cho người học.

2.2.5. Hạn chế

Khi sử dụng phương pháp này, GV thường hay giải thích nhiều. Nếu sử dụng tranh (ảnh) không hợp lí sẽ dẫn đến mất thời gian mà hiệu quả giảng dạy ít.

2.2.6. Một số lưu ý

Làm mẫu động tác cần phải chính xác và hoàn chỉnh. Cần chọn vị trí làm mẫu hoặc để tranh ảnh sao cho HS dễ quan sát và đảm bảo an toàn. Trong các phương pháp trực quan nói chung thì phương pháp làm mẫu có tầm quan trọng nhất. Phương pháp làm mẫu tạo được hình ảnh cụ thể cho học sinh về kỹ thuật bài tập; Thực chất đây là cách dạy theo lối bắt chước, mà bất kỳ một sự bắt chước nào cũng là hoạt động có ý thức của con người. Động tác làm mẫu phải đẹp, chính xác: Các động tác làm mẫu trước hết phải chính xác, yếu tố thứ hai là phải đẹp, được thực hiện liên tục có nhịp điệu, thể hiện được cảm xúc của người thực hiện động tác (điều này đặt ra một yêu cầu là trang phục của người làm mẫu phải đúng quy định, đẹp...). Mục đích làm mẫu phải rõ ràng, mục đích làm mẫu phải căn cứ vào nhiệm vụ của giờ học, của thời điểm làm mẫu, làm mẫu khi dạy kiến thức mới hay làm mẫu khi ôn tập, củng cố và nâng cao, vận dụng, làm mẫu để sửa sai động tác. Tùy vào mục đích mà có thể làm mẫu từng giai đoạn hay toàn bộ kỹ thuật động tác; làm mẫu nhanh hoặc chậm, di động hoặc tại chỗ, làm mẫu đúng hoặc sai…

Ví dụ: khi dạy mới động tác tay, yêu cầu phải làm mẫu toàn bộ động tác nhanh theo đúng nhịp sau đó làm chậm lại để học sinh có thể quan sát kỹ từng thành phần của động tác... Cần kết hợp chặt chẽ giữa làm mẫu với các hình thức trực quan gián tiếp khác, đặc biệt là phương pháp giảng giải phân tích nhằm giúp cho học sinh nhanh chóng hình thành khái niệm chính xác về động tác. Ví dụ khi dạy các động tác tay không, giáo viên vừa làm mẫu kết hợp với phân tích động tác. Từ đó học sinh sẽ nắm bắt tốt hơn cách thực hiện động tác.

\* Với những động tác có cách tập đơn giản, GV vừa làm mẫu, vừa hướng dẫn cho HS tập bắt chước theo luôn.

***2.3. Phương pháp tập luyện***

2.3.1. Khái niệm

Tập luyện là quá trình tiến hành các thao tác tư duy vào vận động, các tri thức khoa học về giải phẫu, sinh lý, sinh cơ, sinh hóa, tâm lý…. Trên cơ sở đó học sinh nắm vững kỹ thuật động tác, rèn luyện kỹ năng, hình thành kỹ xảo vận động, phát triển các tố chất thể lực tương ứng.

*2.3.2. Cách tiến hành*

*Bước 1****:*** GV nêu mục tiêu thực hành hoặc hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.GV xác định mục tiêu thực hành dựa trên mục tiêu chung của chủ đề, hướng dẫn HS xác định và phân tích rõ mục tiêu cần tập luyện.GV chuẩn bị phương tiện và địa điểm thực hành, sắp xếp lớp để cho tất cả HS đều được trải nghiệm và thực hành tốt.

*Bước 2*: Hướng dẫn HS các thao tác tập luyệnGV cần phổ biến các yêu cầu và nhấn mạnh yếu tố tự bảo hiểm, phòng tránh chấn thương và hỗ trợ cho bạn cùng thực hiện.GV nêu khái quát toàn bộ kĩ thuật động tác, có thể kết hợp cho HS xem tranh ảnh hoặc băng hình. Sau đó làm mẫu và giải thích cùng một lúc, phân tích và kết hợp với luật/các tình huống giả định để xây dựng biểu tượng vận động cho HS.

*Bước 3*: HS tự thực hành động tác hoặc thực hành theo hướng dẫn của GV, HS phải nêu lại hoặc trình bày khái quát được theo mẫu.GV cần đặt câu hỏi kiểm tra những khâu chính (khâu quyết định về mặt nguyên lí kĩ thuật) mà HS cần thực hiện lặp lại tốt. GV tổ chức cho HS chủ động tiến hành thực hành theo các bước đã xác định.Với những động tác khó, GV có thể làm mẫu lại cho HS hoặc dùng tranh ảnh mô phỏng để hướng dẫn cho HS.GV cần chú ý quan sát trong lúc tập luyện để bảo đảm an toàn cho cả lớp, dự kiến tốt nhất những tình huống có thể xảy ra giúp HS tiếp tục thực hành hiệu quả.

*Bước 4*: Tổng kết, đánh giá

Sử dụng hình thức kiểm tra đánh giá cá nhân (HS tự đánh giá), đánh giá lẫn nhau giữa HS này với HS khác, các nhóm đánh giá lẫn nhau (đánh giá đồng đẳng), nhóm tự đánh giá, GV đánh giá HS.Sau khi kết thúc thực hành, GV rút kinh nghiệm từng cá nhân hoặc từng nhóm. GV tổng kết, đánh giá bài thực hành và điều chỉnh kế hoạch dạy học.

2.3.3. Phân loại phương pháp tập luyện

Phương pháp tập luyện bao gồm: tập luyện phân chia, tập hoàn chỉnh, tập ổn định và tập biến đổi.

2.3.4. Một số lưu ý:

GV nên dạy vềluật, các lĩnh vực có liên quan đến chủ đề trước khi thực hànhvà hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá bạn cùng cặp đôi/nhóm. GV phải chuẩn bị chính xác và đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ… cho nơi tập luyện. Trong khi hướng dẫn, GV cần kết hợp phương pháp thực hành với HTTC (?) tập luyện để nâng cao hiệu quả phương pháp. GV phải phân tích kết hợp với làm mẫu, hướng dẫn HS tập từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp và cần căn cứ vào NL của HS để đưa ra các yêu cầu phù hợp. Phương pháp tập luyện thường sử dụng ở hầu hết các hoạt động trong giờ học GDTC. Từ hoạt động mở đầu, hình thành kiến thức, luyện tập hay vận dụng cũng đều sử dụng phương pháp này trên nền tảng kinh nghiệm vận động mà HS đã tích lũy để định mức các hoạt động vận động tiếp theo nhằm phát huy tốt nhất NL của HS. Tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc GDTC khi ứng dụng Phương pháp tập luyện.

***2.4. Phương pháp trò chơi***

2.4.1. Khái niệm

Là quá trình sử dụng các trò chơi sư phạm bổ trợ cho giờ dạy GDTC nhằm tạo bầu không khí vui vẻ thoải mái giúp cho HS có khả năng bắt đầu hoặc tiếp tục tiếp thu bài có hiệu quả. Khi sử dụng phương pháp này sẽ tạo sẽ được hứng thú và phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS. Ý nghĩa của trò chơi như một hiện tượng xã hội đa diện đã vượt ra ngoài phạm vi GDTC và giáo dục nói chung. Một trong những chức năng chủ yếu nhất của trò chơi là chức năng giáo dục. Phương pháp trò chơi không nhất thiết phải gắn với một trò chơi cụ thể nào đó như bóng đá, bóng chuyền hoặc các trò chơi vận động đơn giản. Về nguyên tắc, phương pháp trò chơi có thể được sử dụng trong bất kỳ bài tập thể lực, bài tập để hình thành kỹ năng, củng cố động tác hoặc để giáo dục các phẩm chất nhân cách nào đó cho học sinh.

*2.4.2. Cách tiến hành*

1. *Bước 1*: GV chuẩn bị trò chơi và một sốyêu cầu có liên quan đến việc thực hiệntrò chơi như: Cách chơi, luật chơi, các trang thiết bị dụng cụ phục vụ trò chơi, các yêu cầu có liên quan khác.
2. *Bước 2*: GV giới thiệu trò chơi, phân tích và giải thích cách chơi, luật chơi. Xác định mục tiêuvà chỉ rõ cách thức thực hiện và định hướng rõ các hoạt động giúp HS hiểu và bước đầu thực hiện được trò chơi, GV cần cho chơi “nháp” trước vài tình huống.

*Bước 3*: HStiến hành chơi ngay sau khi xác định rõ nhiệm vụvận độngcủa mình. GV hướng dẫn HS cách thức tự bảo hiểm và hỗ trợ cho các bạn (nếu cần), qua đó khuyến khích các em tự đứng ra tổ chức trò chơi. GV cần gợi ý cho HS tự điều chỉnh/bổ sung các phương án khác nhau dẫn đến yêu cầu chung của trò chơi, để các em tự mình giải quyết các vấn đề đặt ra trong các nhóm và chỉ hỗ trợ khi cần.

1. *Bước 4*: Đánh giá kết quảbằng kết quả tham gia trò chơi. GV nhận xét chung vàmời HS cùng chia sẻ quan điểm của cá nhân/nhóm.

2.4.3. Đặc điểm của Phương pháp trò chơi

Phương pháp trò chơi tổ chức theo chủ đề, hoạt động của những người chơi được tổ chức tương ứng với chủ đề giả định hoặc có tính chất hình ảnh. Phương pháp này phong phú về phương thức đạt mục đích, hầu như bao giờ cũng có nhiều cách để chiến thắng được luật chơi cho phép. Là một hoạt động độc lập sáng tạo, có yêu cầu cao về sự nhanh trí, khéo léo của người chơi. Tạo nên sự đua tranh căng thẳng giữa các cá nhân hoặc giữa các nhóm người và tạo nên cảm xúc mạnh mẽ.

2.4.4. Ưu điểm của phương pháp trò chơi

Phương pháp trò chơi giúp củng cố và hoàn thiện kỹ năng vận động, phát triển các tố chất thể lực, giáo dục tính kỷ luật, tính đồng đội và những phẩm chất khác. Đồng thời tạo hưng phấn cho nội dung hoạt động tiếp theo.

Ví dụ: đối với học sinh tiểu học thường hay sử dụng các trò chơi bổ trợ thể lực khéo léo, mềm dẻo như trò chơi cướp cờ, mèo đuổi chuột...bên cạnh đó việc sử dụng các trò chơi còn nhằm mục đích để hình thành kỹ năng vận động đã được học như đi, chạy, nhảy, ném như trò chơi nhảy dây, chồng nụ chồng hoa, trò chơi rèn luyện đội hình đội ngũ, trò chơi bổ trợ khởi động giúp HS vui vẻ, hưng phấn đón nhận những nhiệm vụ học tập của những hoạt động tiếp theo…

2.4.5. Nhược điểm của phương pháp trò chơi

Khả năng điều chỉnh lượng vận động bị hạn chế và việc chương trình hóa hành động vận động chỉ ở mức tương đối.

***2.5. Phương pháp thi đấu***

2.5.1. Khái niệm

Là cách thức tổ chức, thực hiện nhiệm vụ vận động theo các quy định của Luật. Trong quá trình GDTC, Phương pháp thi đấu được sử dụng cả dưới hình thức đơn giản và phức tạp để hình thành và phát triển năng lực thể chất. Trong GDTC thi đấu được sử dụng cả dưới hình thức tương đối đơn giản và hình thức phát triển, phức tạp: Trường hợp thứ nhất được sử dụng như các dạng đấu tập, thi thử (có thể sử dụng thi đấu ngay cả những bài tập riêng lẻ) nhằm kích thích hứng thú và tính tích cực của học sinh; Trường hợp thứ hai được sử dụng như một hình thức tương đối độc lập như thi kiểm tra, các cuộc thi đấu thể thao chính thức...

*2.5.2. Cách tiến hành*

*Bước 1***:**GV chuẩn bịnội dung thi đấu/bài tập thi đấu, luật thi đấu và những yêucầu về trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho thi đấu phù hợp. GV xác định mục tiêu và lựa chọn nội dung phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chủ đề.

1. *Bước 2*: GV xác định mục tiêu, phân tích và giải thích vềcác nội dung có liên quan đến thi đấu/bài tập thi đấu, GV cần chỉ rõ cách thức và định hướng các bước thực hiện giúp HS hiểu và bước đầu thực hiện.
   1. *Bước 3*: GV hướng dẫn HS thực hiện theo đúng tinh thần của Luật, tổchức thi đấu/bài tập thi đấu và làm công tác trọng tài, HS chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ và yêu cầu cụ thể được giao. GV nên đặt một số câu hỏi hoặc tình huống giả định để kiểm tra quá trình thực hiện các nội dung của HS. GV quan sát và chỉ dẫn HS cách thức tự bảo hiểm và hỗ trợ cho các bạn (nếu cần).
   2. *Bước 4*: Đánh giá bằng điểm số, nhận xét hoặc kí hiệu, thời gian thực hiện hoặc mức độ đạt được so vớiyêu cầu đề ra của chủ đề.
   3. 2.5.3. Đặc điểm của Phương pháp thi đấu

Đặc điểm cơ bản của phương pháp thi đấu là so sánh sức lực trong điều kiện đua tranh thứ bậc, vị trí để đạt thành tích cao nhất. Yếu tố đua tranh trong thi đấu cũng như điều kiện tiến hành tổ chức cuộc thi sẽ tạo nên cảm xúc và những biến đổi sinh lý đặc biệt làm tăng thêm tác dụng của bài tập. Sự đua tranh giữa cá nhân hoặc giữa tập thể diễn ra một cách gay gắt đòi hỏi phát huy tính tập thể, tính kỷ luật và sự nỗ lực ý chí cao. Phương pháp thi đấu còn có đặc điểm chuẩn hóa đối tượng thi, quy tắc thi và phương thức đánh giá thành tích. Nhưng phương pháp thi đấu hạn chế sự điều chỉnh lượng vận động (tuỳ thuộc vào từng môn thể thao).

2.5.4. Ưu điểm

Phương pháp thi đấu được sử dụng để giải quyết nhiều nhiệm vụ khác nhau như: phát triển tố chất thể lực, củng cố hoàn thiện kỹ năng kỹ xảo vận động và năng lực thể hiện chúng trong những điều kiện phức tạp. Phương pháp thi đấu còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giáo dục các phẩm chất đạo đức ý chí, tinh thần trách nhiệm.

2.5.5. Nhược điểm

Phương pháp thi đấu bên cạnh những ưu điểm cũng có nhược điểm là do sự ganh đua trong thi đấu dễ hình thành nên những nét tính cách tiêu cực như: ích kỷ, háo danh, hiếu thắng… vì vậy phải có phương pháp giáo dục đúng đắn.

**2.6. Dạy học hợp tác**

*2.6.1. Khái niệm/Bản chất*

Phương pháp dạy học hợp tác là cách dạy học mang tính tập thể gồm nhiều cá nhân khác nhau. Trong đó, mọi người hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau để đạt mục tiêu chung. Dạy học hợp tác giúp người học tiếp thu kiến thức qua các hoạt động tương tác đa dạng như giữa người học với người học, giữa người dạy với người học, giữa người học và môi trường.

*2.6.2. Cách tiến hành:*

Khi dùng phương pháp dạy học này, lớp học sẽ được chia thành nhiều nhóm. Tiêu chí phân chia nhóm sẽ phụ thuộc vào yêu cầu của chủ đề học tập, vào mục đích sư phạm. Thời gian hoạt động học hợp tác thường là một tiết học, một buổi học hay một phần của tiết học. Sau đó, các nhóm sẽ tiến hành phương pháp dạy học hợp tác theo các bước sau:

***Bước 1:* Tiến hành làm việc chung cho cả lớp .** Thầy cô giới thiệu chủ đề bài học và xác định nhiệm vụ cần đạt được. Tổ chức các nhóm, quy định thời gian cụ thể, giao nhiệm vụ cho từng nhóm và phân công vị trí cụ thể cho mỗi nhóm. Có thể hướng dẫn các nhóm cách làm việc, thảo luận.

***Bước 2:* Tiến hành làm việc theo từng nhóm riêng.** Xây dựng kế hoạch làm việc và đưa ra quy tắc làm việc, phân công công việc cho từng bạn trong nhóm với nhiệm vụ riêng. Nhóm thảo luận, trao đổi ý kiến và cử đại diện trình bày kết quả làm việc nhóm.

***Bước 3:* Thảo luận, trình bày kết quả trước cả lớp.** Các nhóm khác lắng nghe, quan sát cũng như bình luận, chất vấn và bổ sung ý kiến với nhóm đang trình bày. Giáo viên nhận xét, tổng kết và đưa ra chủ đề cho bài tiếp theo cho học sinh.

*2.6.3. Ưu điểm:*

Từng học sinh được làm việc, học tập cùng với các bạn khác nên sẽ học được các kỹ năng hợp tác, cộng tác tốt với nhau trên nhiều phương diện. Các em có thể nêu lên quan điểm, ý tưởng riêng của mình đóng góp vào công việc chung của cả nhóm cũng như có thể lắng nghe những quan điểm, ý kiến riêng của từng bạn trong nhóm, trong lớp để tham khảo, để lựa chọn. Dạy học hợp tác giúp các học sinh nâng cao hơn kiến thức, sự hiểu biết và kinh nghiệm xã hội cho mình từ nhiều ý kiến đóng góp khác nhau của các thành viên khác. Các em cũng rèn luyện được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác với những bạn khác để cùng nhau phát triển.

### ***2.6.4. Nhược điểm***

### Thời gian học tập có thể phải kéo dài hơn. Gây bất tiện nếu lớp đông học sinh hoặc khó di chuyển bàn ghế, không gian lớp học hạn chế sẽ khó tổ chức hoạt động nhóm. Bởi khi các em tranh luận, lớp học rất ồn ào, ảnh hưởng tới các lớp học bên cạnh.

***2.7. Kỹ thuật giao nhiệm vụ***

*2.7.1. Khái niệm/bản chất:* Đây là kỹ thuật giáo viên căn cứ vào nhiệm vụ, nội dung bài học và thời điểm thích hợp để giao nhiệm vụ phù hợp cho học sinh qua đó phát huy tính tích cực, độc lập, sáng tạo của học sinh trong việc giải quyết vấn đề.

*2.7.2 Tác dụng:*Bằng cách giao nhiệm vụ của giáo viên, tất cả học sinh trong lớp đều được vận động, làm việc trong suốt giờ học, qua đó phát huy được năng lực, sở trường của từng học sinh

*2.7.3. Qui trình thực hiện:*

Bước 1: Xác định nhiệm vụ giao

Bước 2: Nhiệm vụ cho cá nhân/nhóm nào

Bước 3: Xác định địa điểm, thời gian, phương tiện thực hiện nhiệm vụ

Bước 4: Sản phẩm cuối cùng cần có là gì? Cách thức trình bày/ đánh giá sản phẩm như thế nào?

*2.7.4. Một số lưu ý:* Nhiệm vụ phải phù hợp với: Mục tiêu hoạt động; Trình độ HS; Thời gian, không gian hoạt động; Cơ sở vật chất, trang thiết bị

***2.8. Kỹ thuật "trình bày 1 phút"***

*2.8.1. Khái niệm/bản chất:* Đây là kỹ thuật tạo cơ hội cho HS tổng kết lại kiến thức đã học và đặt câu hỏi về những điều băn khoăn, thắc mắc bằng cách trình bày ngắn gọn và cô đọng. Giúp củng cố quá trình hoc tập của HS và cho GV thấy được sự hiểu biết của HS về vến đề đã học

*2.8.2 Tác dụng:* HS tư duy nhanh, kĩ thuật này giúp GV thấy được HS đã hiểu vấn đề như thế nào.

*2.8.3. Qui trình thực hiện:*

Bước 1: Xác định nhiệm vụ giao/ Đặt câu hỏi cho HS

Bước 2: Nhiệm vụ cho cá nhân/nhóm nào

Bước 3: Xác định thời điểm giao nhiệm vụ/ đặt câu hỏi (cuối tiết học hoặc có thể giữa tiết học),

Bước 4: Cách thức thực hiện nhiệm vụ/ trả ltrình bày/ thời gian trình bày 1 phút

*2.8.4. Một số lưu ý:* Dành thời gian phù hợp cho HS chuẩn bị trình bày*;* Động viên khuyến khích HS tham gia trình bày*;* Lắng nghe, tôn trọng phần trình bày của HS, không tỏ thái độ chê bai*;* GV cần giải đáp các câu hỏi, thắc mắc của HS*.* Trong GDTC, tập lại 1 hoặc 1 số động tác trong 1 phút cũng được cho là kỹ thuật này; đầu tiết cũng có thể sử dụng kỹ thuật này để kiểm tra kết quả tự học.

A picture containing text

Description automatically generated

**Bài tập cho hoạt động 6**

1. Học viên thiết kế một chủ đề/nội dung có sử dụng phương pháp dạy học đặc thù cùng với một số kỹ thuật dạy học phù hợp trong quá trình học sinh thực hiện nhiệm vụ.

Hoạt động 7. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng hình thành và phát triển năng lực học sinh qua môn GDTC lớp 5

A close up of a logo

Description automatically generated**Mục tiêu hoạt động 7:**

- Hiểu được vai trò của kiểm tra, đánh giá trong dạy học;

- Biết được một số khái niệm liên quan đến kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng hình thành và phát triển năng lực học sinh tiểu học.

- Vận dụng được kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh vào việc thay đổi phương pháp, nội dung các bài học/ chủ đề để nâng cao kết quả dạy học.

A picture containing text

Description automatically generated ***Thông tin hoạt động 7:***

1. **Kiểm tra, đánh giá trong dạy học.**

Đối với học sinh tiểu học, theo những quan điểm của Bộ GDĐT, đánh giá học sinh tiểu học là quá trình thu thập, xử lý thông tin thông qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; phân tích thông tin định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của học sinh tiểu học; đối chiếu với những mục tiêu, tiêu chuẩn đã đề ra nhằm đề xuất những quyết định thích hợp để cải thiện thực trạng, điều chỉnh, nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học và quản lý.

Kiểm tra là một thuật ngữ chỉ sự đo lư­­ờng, thu thập thông tin để có đ­­ược những phán đoán, xác định xem mỗi học sinh sau khi học đã nắm được gì (kiến thức), làm đ­­ược gì (kỹ năng) và bộc lộ thái độ ứng xử ra sao, qua đó có được những thông tin phản hồi để hoàn thiện quá trình dạy - học.

Kiểm tra cung cấp thông tin làm cơ sở cho việc đánh giá, là phương tiện và hình thức đánh giá. Do đó đánh giá có loại hình nào thì kiểm tra cũng có loại hình đó; nó có ý nghĩa và mục tiêu như đánh giá. Việc kiểm tra chú ý nhiều đến việc xây dựng công cụ đánh giá, ví dụ như câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra. Các công cụ này được xây dựng trên một căn cứ xác định, chẳng hạn như đường phát triển năng lực hoặc các rubric trình bày các tiêu chí đánh giá.

Học sinh tiểu học sẽ được đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ:

Đánh giá thường xuyên nhằm thu thập các minh chứng liên quan đến kết quả học tập của học sinh trong quá trình học để cung cấp những phản hồi cho học sinh và giáo viên biết những gì họ đã làm được so với mục tiêu, yêu cầu của bài học, của chương trình và những gì họ chưa làm được để điều chỉnh hoạt động dạy và học. Đánh giá thường xuyên không nhằm xếp loại thành tích hay đưa ra kết luận về kết quả giáo dục cuối cùng của từng học sinh. Ngoài việc kịp thời động viên, khuyến khích khi học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, đánh giá thường xuyên còn tập trung vào việc *phát hiện, tìm ra những thiếu sót, lỗi, những nhân tố ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập, rèn luyện của học sinh* để có những giải pháp hỗ trợ điều chỉnh kịp thời, giúp cải thiện, nâng cao chất lượng học tập của các em. Bên cạnh đó, đánh giá thường xuyên còn giúp chẩn đoán hoặc đo kiến thức, kĩ năng và nhận định phẩm chất, năng lực hiện tại của học sinh nhằm dự báo hoặc tiên đoán những bài học hoặc chương trình học tiếp theo cần được xây dựng ra sao cho phù hợp với trình độ, đặc điểm tâm sinh lí của học sinh. Đánh giá thường xuyên được xem là đánh giá *vì quá trình học tập* hoặc *vì sự tiến bộ* của người học.

Đánh giá định kỳ đối với học sinh tiểu học là đánh giá kết quả giáo dục học sinh sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học/hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và sự hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Sau quá trình đánh giá, vào giữa học kỳ, cuối học kỳ, cuối năm học, mỗi giáo viên tiểu học cần *tổng hợp đánh giá chất lượng giáo dục* là việc tổng hợp và ghi kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp và Học bạ vào các thời điểm theo quy định.

**Một số vấn đề về kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo hướng hình thành và phát triển phẩm chất và năng học sinh.**

Một số dấu hiệu khác biệt cơ bản giữa đánh giá phẩm chất, năng lực người học và đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học như sau:

***Bảng 24. Bảng so sánh đánh giá theo phẩm chất năng lực và kiến thức, kỹ năng***

| **Tiêu chí  so sánh** | **Đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực** | **Đánh giá kiến thức, kỹ năng** |
| --- | --- | --- |
| 1. Mục đích chủ yếu nhất | - Đánh giá khả năng học sinh vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống.  - Đánh giá sự tiến bộ so với chính bản thân học sinh. | - Xác định việc đạt kiến thức, kỹ năng theo mục tiêu của chương trình giáo dục.  - Đánh giá, xếp hạng giữa những học sinh với nhau. |
| 2. Ngữ cảnh đánh giá | Gắn với ngữ cảnh học tập và thực tiễn cuộc sống của học sinh. | Gắn với nội dung học tập (những kiến thức, kỹ năng, thái độ) được học trong nhà trường. |
| 3. Nội dung đánh giá | - Những kiến thức, kỹ năng, thái độ ở nhiều môn học, nhiều hoạt động giáo dục và những trải nghiệm của bản thân học sinh trong cuộc sống xã hội (tập trung vào năng lực thực hiện).  - Quy chuẩn theo các mức độ phát triển năng lực của học sinh. | - Những kiến thức, kỹ năng, thái độ ở một môn học.  - Quy chuẩn theo việc học sinh có đạt được hay không một nội dung đã được học. |
| 4. Công cụ đánh giá | Nhiệm vụ, bài tập trong tình huống, bối cảnh thực. | Câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ trong tình huống hàn lâm hoặc tình huống thực. |
| 5. Thời điểm đánh giá | Đánh giá mọi thời điểm của quá trình dạy học, chú trọng đến đánh giá trong khi học. | Thường diễn ra ở những thời điểm nhất định trong quá trình dạy học, đặc biệt là trước và sau khi dạy. |
| 6. Kết quả đánh giá | - Năng lực học sinh phụ thuộc vào độ khó của nhiệm vụ hoặc bài tập đã hoàn thành.  - Thực hiện được nhiệm vụ càng khó, càng phức tạp hơn sẽ được coi là có NL cao hơn. | - Năng lực học sinh phụ thuộc vào số lượng câu hỏi, nhiệm vụ hay bài tập đã hoàn thành.  - Càng đạt được nhiều đơn vị kiến thức, kỹ năng thì càng được coi là có năng lực cao hơn. |

Như vậy, có thể thấy đặc trưng của kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực là hướng đến việc giúp học sinh vận dụng kiến thức vào thực tiễn theo tinh thần kết nối tri thức với cuộc sống trong bối cảnh cụ thể, với mục tiêu giúp học sinh hình thành và phát triển phẩm chất cá nhân trong mối quan hệ nhân văn với các cá nhân khác.

Từ mỗi phẩm chất chủ yếu, những năng lực chung và năng lực cốt lõi, mỗi môn học cụ thể hóa thành các chỉ báo/chỉ số nhằm chi tiết hóa/cụ thể hóa tiêu chí, mô tả các biểu hiện cụ thể đặc trưng thể hiện các chỉ báo chỉ báo/chỉ số nhằm chi tiết hóa các chỉ báo thành các biểu hiện cụ thể có thể đo lường được, đánh giá được ở mỗi lớp của cấp tiểu học (1, 2, 3, 4, 5).

A picture containing text

Description automatically generated

**Bài tập cho hoạt động 7**

1. Học viên trao đổi để vận dụng một cách hiệu quả hình thức đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh thông qua một chủ đề/bài học cụ thể.

2. Thiết kế kế hạch bài học có sử dụng các phương pháp kiểm tra và công cụ đánh giá theo hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá.

PHẦN 4. THỰC HÀNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY, MINH HOẠ MỘT BÀI DẠY/CHỦ ĐỀ CÓ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THEO PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HÌNH THÀNH PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

Hoạt động 8. Cấu trúc Kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh môn GDTC

Description: A close up of a logo

Description automatically generated

***Mục tiêu hoạt động 8***

- Xác định cấu trúc giờ học GDTC theo hướng phát triển PC, NL học sinh

- Xác định các hoạt động trong giờ họcDescription: A close up of a logo

Description automatically generated

***Thông tin hoạt động 8***

**Cấu trúc giờ học GDTC theo hướng phát triển PC, NL học sinh**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:** Nêu cụ thể yêu cầu học sinh làm được gì (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và NL đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức theo yêu cầu cần đạt của CT môn học.

**2. Phẩm chất:** Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành PC, NL nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp.

**III. Tiến trình dạy học**

***1/. Hoạt động mở đầu***

Mục đích là tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp các em ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với học bài mới.

Giáo viên sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của học sinh có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu làm bộc lộ "cái" học sinh đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân học sinh còn thiếu, giúp học sinh nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qụa hoạt động này. Từ đó, giúp họ sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập. Vị vậy, các câu hỏi, hay nhiệm vụ trong hoạt động khởi động là những câu hỏi, hay vẫn để mở, chưa cần HS phải có câu trả lời hoàn chỉnh.

*Kết thúc họạt động này, giáo viên không chốt về kiến thức mà chỉ giúp học sinh phát biểu được vấn đề để chuyển sang các hoạt động tiếp theo nhằm tiếp cận, hình thành những kiển thức, kĩ năng mới, qua đó tiếp tục hoàn thiện câu trả lời hoặc giải quyết được vấn đề.*

***2/. Hoạt động hình thành kiến thức***

Mục đích là giúp học sinh chiếm lĩnh được kiến thức, kỹ năng mới và bổ sung vào hệ thống kiến thức, kỹ năng của mình.

Giáo viên giúp học sinh hình thành được những kiến thức mới thông qua các hoạt động khác nhau như: nghiên cứu tài liệu; trải nghiệm động tác, thực hành; hoạt động trải nghiệm sáng tạo...

*Kết thúc hoạt động này, trên cơ sở kết quả hoạt động học của học sinh thể hiện ở các động tác/bài tập mà học sinh hoàn thành, giáo viên cần chốt kiến thức mới để học sinh chính thức ghi nhận và vận dụng.*

***3/. Hoạt động luyện tập***

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội được hoặc rèn luyện nâng cao những kiến thức, kĩ năng đã học. Trong hoạt động này, học sinh được luyện tập, củng cố các đơn vị kiến thức, kĩ thuật động tác vừa học hoặc đã học thông qua vận dụng kiến thức vào giải quyết các câu hỏi/bài tập/tình huống/vấn đề nảy sinh trong học tập hay thực tiễn.

*Kết thúc hoạt động này, giáo viên cần giúp học sinh lĩnh hội cả về tri thức lẫn phương pháp, kĩ thuật, biết cách thức giải quyết vấn đề đặt ra trong “Hoạt động mở đầu”.*

***4/. Hoạt động vận dụng***

|Mục đích là giúp học sinh vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để phát hiện và giải quyết các tình huống/vấn đề nảy sinh trong học tập hoặc trong cuộc sống gần gũi, ở gia đình, địa phương.

Giáo viên cần gợi ý để học sinh phát hiện những hoạt động, sự kiện, hiện tượng nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày, mô tả yêu cầu cần đạt (về sản phẩm) để học sinh lưu tâm thực hiện.

*Hoạt động này không cần tổ chức ở trên lớp và không đòi hỏi tất cả học sinh phải tham gia. Tuy nhiên, giáo viên cần quan tâm, động viên để có thể thu hút nhiều học sinh tham gia một cách tự nguyện; khuyên khích những học sinh có sản phâm chia sẻ với các bạn trong lớp*

A picture containing text

Description automatically generated

**Bài tập cho hoạt động 8**

Học viên xây dựng cấu trúc kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh môn GDTC

*Hoạt động 9.* Thực hành thiết kế kế hoạch bài dạy, minh hoạ một bài dạy/chủ đề có nội dung điều chỉnh, bổ sung theo phương pháp dạy học hình thành phẩm chất và năng lực

Description: A close up of a logo

Description automatically generated

***Mục tiêu hoạt động 9***

- Thiết kế kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực cho HS

Description: A close up of a logo

Description automatically generated***Thông tin hoạt động 9***

Môn Thể dục lớp 5 trong Chương trình hiện hành nhằm củng cố và phát triển những kết quả đã học ở các lớp 1 – 4 và thực hiện hoàn thành mục tiêu môn học ở Tiểu học là “Biết được một số kiến thức, kĩ năng vận động để tập luyện giữ gìn sức khỏe, nâng cao thể lực; rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, kỉ luật, thói quen tự giác tập luyện TDTT, giữ gìn vệ sinh và nếp sống lành mạnh; biết vận dụng ở mức nhất định điều đã học vào nếp sinh hoạt ở trường và ngoài nhà trường”.

Môn Giáo dục thể chất trong Chương trình 2018 góp phần hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể. Chương trình môn Giáo dục thể chất giúp HS hình thành và phát triển NL thể chất với các thành phần sau: NL chăm sóc sức khỏe, NL vận động cơ bản, NL hoạt động thể dục thể thao.

Chủ đề được chọn để minh họa ở lớp 5 là chủ đề “Tư thế và KN vận động cơ bản”/”Bài tập rèn luyện tư thế và kĩ năng vận động cơ bản”. Chủ đề này nằm trong Chương III, trong CT mạch nội dung Vận động cơ bản (gồm 3 chủ đề: Đội hình đội ngũ; Bài tập thể dục; Tư thế và KN vận động cơ bản) trong chương trình Giáo dục thể chất.

Chủ đề Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản được thiết kế thành một số bài, mỗi bài để phát triển năng lực vận động cơ bản của HS. Mục đích của phần này nhằm phát triển năng lực *Vận động cơ bản* cho HS lớp 5.

Yêu cầu cần đạt của chủ đề Tư thế và KN vận động cơ bản lớp 5 giúp HS hình thành và phát triển NL Vận động cơ bản qua việc thực hiện được các KN Vận động của đầu, cổ, Vận động của tay, Vận động của chân, Vận động phối hợp của cơ thể. Bên cạnh đó, góp phần hình thành và phát triển NL Chăm sóc sức khỏe và năng lực hoạt độngTDTT.

**A. KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

Để xây dựng kế hoạch cho bài học, trước hết, cần xác định kế hoạch dạy học cho chủ đề Tư thế và KN vận động cơ bản lớp 5 trong CT hiện hành theo CT 2018. Mỗi nội dung được qui định bởi số lượng bài học, tên bài, những đơn vị nhỏ của nội dung và thời lượng của nội dung đó.

Ví dụ kế hoạch dạy học của chủ đề Tư thế và KN vận động cơ bản lớp theo CT 2018 (xem hoạt động 4, trang 44)

**B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA LỚP 5**

Căn cứ vào Mục tiêu chung, mục tiêu cấp tiểu học, yêu cầu cần đạt, nội dung chủ đề Vận động cơ bản, kế hoạch DH để xây dựng kế hoạch bài học minh họa giảng dạy nội dung: Bật cao; Bài tập cơ bản kĩ năng leo, trèo; Trò chơi rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động

.

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**CHỦ ĐỀ: BÀI TẬP RÈN LUYỆN TƯ THẾ VÀ KĨ NĂNG VẬN ĐỘNG CƠ BẢN**

BÀI 4: KIẾNTHUWCS CHUNG - BÀI TẬP CHẠY VÀ BẬT NHẢY- BÀI TẬP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG LĂN, LỘN – TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG

**(Thời lượng: 03 tiết)**

**I. MỤC TIÊU DẠY HỌC**

**1. Năng lực đặc thù**

1.1. Chăm sóc sức khoẻ: HS giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh sân tập trước, trong và sau khi kết thúc tiết học.

1.2. Vận động cơ bản:

- HS có các vận động linh hoạt khi thực hiện chạy và bật nhảy; bài tập rèn luyện kĩ năng lăn lộn.

- Hình thành thói quen vận động thông qua trò chơi.

**2. Năng lực chung**

*2.1. NL tự chủ và tự học*: Chủ động tìm hiểu và khám phá, tích cực thực hiện nhiệm vụ luyện tập được giao.

*2.2.* *NL giao tiếp và hợp tác*: Hỗ trợ bạn học trong nhóm cùng tập luyện và các hoạt động khác.

**3. Phẩm chất**

*3.1. Chăm chỉ*: Tự giác, tích cực tập luyện để hoàn thành nhiệm vụ của bài tập;

*3.2. Trách nhiệm*: Nghiêm túc, đoàn kết, giúp đỡ bạn trong tập luyện và hoạt động tập thể.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Tranh hoặc ảnh về các động tác phối hợp chạy và bật nhảy; bài tập kĩ năng lăn, lộn. Các tranh ảnh về một số hoạt động trong đời sống có liên quan đến các hoạt động của bài học.

- Tranh ảnh, thiết bị về các trò chơi rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động *“Làm theo tín hiệu; "Chú Thỏ tinh nhanh"; "Đội nào nhanh nhất"*

- Còi, marker, bảng nhỏ, bóng hơi cao su, rổ đựng bóng, băng đĩa nhạc

**2. Học sinh:**

**-** Chuẩn bị dụng cụ theo hướng dẫn của giáo viên;

- Trang phục thể thao, giày tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

| **Thời lượng** | **Các hoạt  động học** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Thiết bị, đồ dùng dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| **7 phút** | **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**  Phẩm chất: Tự giác, tích cực khi khởi động  Năng lực: Chủ động tìm hiểu và khám phá, tích cực thực hiện nhiệm vụ, hứng thú với bài học mới. | | | |
| 1 phút | *1. Nhận lớp*  *- Kiểm tra vệ sinh sân tập*, trang phục, sức khỏe của HS;  - Phổ biến nhiệm vụ giờ học. | − Cùng cán sự đi kiểm tra an toàn sân tập;  − Hỏi thăm và tiếp nhận tình hình sức khỏe của HS. | − Cá nhân kiểm tra và sửa trang phục;  − Báo cáo tình hình sức khỏe của mình khi GV hỏi. | Còi thổi, sân tập bằng phẳng, sạch sẽ |
| 2 phút | *2. Khởi động*  Xoay các khớp | Cùng HS thực hiện bài khởi động theo nhịp nhạc | Khởi động các khớp: cổ chân, cổ tay; vai, khuỷu tay; gối và hông theo sự điều khiển của GV | - Băng nhạc, loa, đài, |
| 3 phút | *3. Trò chơi bổ trợ khởi động* | | |  |
| *3.1.Trò chơi bổ trợ khởi động 1*  Trò chơi “**Chim bay, cò bay**” | − Hướng dẫn HS cách chơi, luật chơi;  - Tạo các tình huống đa dạng khi tổ chức trò chơi. | - HS linh hoạt, nhanh nhẹn khi chơi trò chơi.  - Chơi 2-3 lần, mỗi lần có yêu cầu khác nhau. | - Marke nhựa đánh dấu phạm vi chơi; còi thổi, nhạc, loa, đài |
| 3.2. *Trò chơi bổ trợ khởi động 2*  Trò chơi ***"Chọn quả"*** | − Hướng dẫn HS cách chơi, luật chơi;  - Tạo các tình huống đa dạng khi tổ chức trò chơi. | - HS linh hoạt, nhanh nhẹn khi chơi trò chơi.  - Chơi 2-3 lần, mỗi lần có yêu cầu khác nhau. | - Marke nhựa đánh dấu phạm vi chơi; còi thổi, nhạc, loa, đài |
| 3.3. *Trò chơi bổ trợ khởi động 3*  Trò chơi ***"Rùa và Thỏ"*** | − Hướng dẫn HS cách chơi, luật chơi;  - Tạo các tình huống đa dạng khi tổ chức trò chơi. | - HS linh hoạt, nhanh nhẹn, khi chơi trò chơi | - Âm nhạc |
| 1 phút | *4. Ôn tập lại nội dung đã học* | Tổ chức cho HS thi đua để nhớ lại các tư thế tung - bắt bóng | HS từng nhóm thảo luận, đánh dấu vào những tư thế tung - bắt bóng | - Bảng viết tên các tư thế tưng - bắt bóng (mỗi nhóm một bảng). |
| ***10 phút*** | **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Phẩm chất:** tự giác, tích cực, sẵn sàng đón nhận nhiệm vụ bài học mới.  **Năng lực:** phối hợp với các bạn để phát hiện ra những bức tranh đúng và chưa đúng, nhắc lại tên các động tác đã học, chủ động chiếm lĩnh kiến thức để hình thành kỹ năng. | | | |
| ***2 phút*** | ***1. Kiến thức chung*** *(*chế độ ăn uống đảm bảo dinh dưỡng trong tập luyện*)* | | | |
| 2 phút | ***2. Làm quen động tác*** | | | |
|  | - Cho HS quan sát tranh về động tác cơ bản của bài tập chạy, bật nhảy và hỏi: Các bạn trong tranh đang thực hiện những động tác gì?  - Cho HS nhớ tên động tác, miêu tả động tác. | - HS quan sát tranh (hoặc video) từng động tác.  - Các nhóm trao đổi, thảo luận để thống nhất đánh dấu vào "Bảng kiểm các động tác đã học" | - Tranh vẽ các bài tập chạy, bật nhảy |
| 5 phút | ***3. Hình thành động tác mới*** | | |  |
|  | *2.1. Bài tập chạy và bật nhảy* | - Làm mẫu, nêu cách thực hiện và trả lời câu hỏi nếu có HS thắc mắc.  - GV (hoặc cán sự) điều khiển cho cả lớp tập đồng loạt | − Quan sát động tác mẫu;  − Nêu câu hỏi thắc mắc nếu có.  - Điều chỉnh kĩ thuật đông tác khi GV nhận xét, sửa sai. |  |
| *2.2. Bài tập rèn luyện kĩ năng lăn* | - Làm mẫu: Lăn người qua đệm.  - Nêu cách thực hiện và trả lời câu hỏi nếu có HS thắc mắc.  - GV (hoặc cán sự) điều khiển cho cả lớp tập đồng loạt. | − Quan sát động tác mẫu;  − Nêu câu hỏi thắc mắc nếu có.  - Điều chỉnh kĩ thuật đông tác khi GV nhận xét, sửa sai. |  |
| *2.3. Bài tập rèn luyện kĩ năng lộn* | - Làm mẫu: Lộn xuôi, lộn ngược với thảm  - Nêu cách thực hiện và trả lời câu hỏi nếu có HS thắc mắc.  - GV (hoặc cán sự) điều khiển cho cả lớp tập đồng loạt. | − Quan sát động tác mẫu;  − Nêu câu hỏi thắc mắc nếu có.  - Điều chỉnh kĩ thuật đông tác khi GV nhận xét, sửa sai. |  |
| 3 phút | *3. Trải nghiệm các động tác của bài tập* | − Gọi 2 HS lên thực hiện bài tập 1 lần.  − GV vừa hướng dẫn, vừa cho HS tập theo;  − Hô cho cả lớp tập, quan sát và nhận xét; | − Quan sát 2 bạn tập và nhận xét.  − Quan sát, tập bắt chước theo mẫu HS, GV;  − Tập theo nhịp hô của GV; |  |
| 14 phút | **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **Phẩm chất:** tự giác tích cực, giúp đỡ bạn trong tập luyện.  **Năng lực:**  **+** Tập cơ bản đúng động tác chạy và bật nhảy, bài tập rèn luyện kĩ năng lăn lộn.  + Hợp tác với bạn trong tập luyện, phát hiện và sửa được lỗi sai của mình và của bạn khi tập luyện. | | | |
| 2 phút | *1. Hoạt động cá nhân*  Nhớ lại các động tác vừa học | - Cho HS tự nhớ lại và tập động tác vừa học.  - Quan sát và đến giúp đỡ HS. | - Nhắc lại cách tập; - HS vừa hô vừa tập. |  |
| 3 phút | *2. Hoạt động cặp đôi*  - Bài tập chạy và bật nhảy  - Bài tập rèn luyện kĩ năng lăn, lộn. | Quan sát và đến giúp đỡ. | − Cùng nhau vừa hô vừa tập.  − Một em vừa hô, vừa quan sát và nhận xét kết quả tập luyện của bạn. |  |
| 4 phút | *3. Hoạt động nhóm*  - Bài tập chạy và bật nhảy  - Bài tập phối hợp chạy, bật nhảy  lăn, lộn. | Nêu yêu cầu khi tập theo nhóm bài tập phối hợp chạy và bật nhảy. | - HS thảo luận, phân công thay nhau lên chỉ huy, quan sát các bạn luyện tập.  - Đặt câu hỏi nếu có thắc mắc. |
| 2 phút | *4. Hoạt động củng cố kiến thức*  Thi đua tập luyện giữa các nhóm. | - GV quan sát, cùng HS nhận xét. | Biểu diễn bài tập phối hợp |  |
| 2 phút | *3. Hoạt động đánh giá*  - Bài tập chạy và bật nhảy  - Bài tập rèn luyện kĩ năng lăn, lộn. | - Tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau giữa các nhóm với các bước sau:  B1: Phát phiếu tự đánh giá và đánh giá nhóm bạn.  B2: Hướng dẫn cách đánh giá HS.  B3: Tổ chức và giám sát HS tự đánh giá và ĐG lẫn nhau giữa các nhóm.  B4: Tiếp nhận kết quả, nhận xét | - HS báo cáo tình hình học nhóm, tự đánh giá kết quả tập luyện của nhóm mình  − Thực hiện tự đánh giá nhóm mình  - Thực hiện đánh giá nhóm bạn theo phân công  - Báo cáo hoàn thành công việc đánh giá |  |
| 2 phút | *5. Trò chơi rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động* | | |  |
|  | *5.1 Trò chơi vận dụng rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động 1*  *Trò chơi: “Làm theo tín hiệu"* | − GV phổ biến cách chơi, luật chơi, thị phạm động tác chơi.  − Tổ chức cho HS chơi | − Quan sát và nêu câu hỏi thắc mắc nếu có  - HS phải mô phỏng đúng động tác của các phương tiện giao thông, chạy và dừng lại theo đúng tín hiệu, em nào mô phỏng chưa đúng không được tham gia 1 lần chơi. | - Âm nhạc; Ba thẻ tín hiệu đèn đỏ, đèn xanh, đèn vàng. |
|  | *5.2. Trò chơi vận dụng rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động 2*  *Trò chơi"Chú Thỏ tinh nhanh"* | − GV phổ biến cách chơi, luật chơi, thị phạm động tác chơi.  − Tổ chức cho HS chơi | Thời gian chơi là 1 đoạn nhạc. Chơi theo luật tiếp sức  - Trẻ phải bật cả 2 chân tiến về phía trước | Âm nhạc, Hai rổ nhựa cho hai đội chơi, còi thổi. |
|  | *5.3. Trò chơi vận dụng rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động 3*  *Trò chơi "Đội nào nhanh nhất"* | − GV phổ biến cách chơi, luật chơi, thị phạm động tác chơi.  − Tổ chức cho HS chơi | Mỗi đội 5 - 6 HS, các em ở mỗi đội lần lượt dùng tay cầm chổi nhựa di chuyển bóng vượt qua các chướng ngại vật hình chóp và sau đó di chuyển ngược lại về vạch xuất phát ban đầu để bạn khác thực hiện. | - Vật cản mũ chóp, chổi nhựa, bóng hơi cao su, rổ đựng bóng, vạch xuất phát, còi thổi. |
| 1 phút | *6. Hồi tĩnh*  *Thả lỏng cơ toàn thân* | Đưa cơ thể trở về trạng thái tĩnh.  Tạo không khí vui vẻ, tích cực. | Thực hiện thả lỏng tay, chân, toàn thân. | Âm nhạc |
| ***5 phút*** | **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **Phẩm chất:** sẵn sàng đón nhận nhiệm vụ và tự giác tập luyện  **Năng lực:** chủ động tự tập luyện, vận dụng được các KT, KN của các động tác, bài tập đã học, đã thực hiện để giải quyết vấn đề nảy sinh ở gia đình, cuộc sống. | | | |
| 1 phút  3 phút  1 phút | *1. Ưu điểm, hạn chế*  *2. Vận dụng*  *3. Xuống lớp* | - Nhận xét thái độ, kết quả tập luyện  - Giúp HS cách vận dụng kĩ năng vận động đã học để tự tập luyện  -  Giáo viên đứng nghiêm trước lớp hô: “Cả lớp giải tán!” | - Nhận biết và khắc phục được nhược điểm. Nêu những thắc mắc (nếu có)  ***Bài tập vận dụng***  Chủ động tự tập luyện ở nhà một trong hai bài tập (BT) sau:  - BT 1: Trước khi tắm em hãy bật nhảy chụm hai chân (có dây hoặc không dây) tùy theo sức của mình. Sau đó đi lại hít thở sâu trong vòng một phút…để nâng cao sức khỏe.  - BT 2: Khi ngủ dậy, em hãy co chân lên ngực, hai tay ôm gối lăn người sang trái và lăn người sang phải 2 – 3 lần, sau đó ngồi khoanh chân trên giường hít vào và thở ra 5 lần.  - Học sinh đứng nghiêm đồng thanh hô: “Khỏe!” |  |

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2020*

Người soạn

**Một số lưu ý:**

1. Bài này gồm 3 tiết, mỗi tiết GV có thể lựa chọn nội dung cho phù hợp nhưng cần đảm bảo đủ nội dung của 4 hoạt động.

Ví dụ:

- Tiết 1: Bài tập chạy và bật nhảy; trò chơi khởi động 1; trò chơi rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động 1.

- Tiết 2: Bài tập rèn luyện kĩ năng lăn; trò chơi khởi động 2; trò chơi rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động 2.

- Tiết 3: Bài tập rèn luyện kĩ năng lộn; trò chơi khởi động 3; trò chơi rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động 3.

2. Trò chơi rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động nhằm hỗ trợ để đủ lượng vận động cho HS nên mỗi tiết GV chỉ cho các em tập 01 bài với khối lượng vừa sức với sức khỏe của lớp học đó, sau đó hướng dẫn cho các em thả lỏng. Trong quá trình chơi trò chơi vận động, GV cần quan sát kĩ biểu hiện của các em, có thể chia HS thành nhóm sức khỏe để điều chỉnh khối lượng vận động theo nhóm sức khỏe.

3. Mỗi tiết học gồm 35 phút, GV có thể chia thời gian của từng tiết như sau:

- Hoạt động mở đầu: Khoảng 5-7 phút.

- Hoạt động hình thành KT mới: 10-12p.

- Hoạt động luyện tập: 12-14p.

- Hoạt động vận dụng: 5-7p.

**CÁCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa hoàn thành** |
| Tham gia vệ sinh chung và biết vệ sinh cá nhân; Thực hiện đúng các động tác của bài tập, biết được lỗi sai và khắc phục được trong tập luyện. | Tham gia vệ sinh chung và biết vệ sinh cá nhân; Thực hiện được các động tác của bài tập, biết được lỗi sai trong tập luyện. | Chưa tham gia vệ sinh chung và chưa biết vệ sinh cá nhân; Thực hiện chưa đúng động tác hoặc đúng ½ số lượng động tác của bài tập. |

*Lưu ý:* Căn cứ vào khả năng và thái độ tập luyện của học sinh để đánh giá mức độ cho phù hợp.

- GV lưu kết quả vào hồ sơ học tập.

**2. TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG**

**Đánh giá:**

*Chú ý:* GV cần điều chỉnh lượng vận động cho HS theo nhóm sức khỏe.

+ Sau khi thực hiện trò chơi vận động phát triển thể lực, GV có thể sử dụng hình thức đánh giá bằng nhận xét và lưu kết quả vào hồ sơ học tập.

+ Theo định kì, GV cần lưu kết quả thực hiện bài tập để theo dõi được tình hình sức khỏe, sự phát triển cơ thể và thể lực của HS.

A picture containing text

Description automatically generated

**Bài tập cho hoạt động 9**

Căn cứ vào nội dung đã điều chỉnh, hãy lựa chọn một nội dung để biên soạn KHBD cho HS lớp 5 theo hướng phát triển, phẩm chất năng lực cho HS.

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**CHỦ ĐỀ: BÀI TẬP RÈN LUYỆN TƯ THẾ VÀ KĨ NĂNG VẬN ĐỘNG CƠ BẢN**

**BÀI: KIẾN THỨC CHUNG - BÀI TẬP CHẠY VÀ BẬT NHẢY – TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG**

**(Thời lượng: 01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU DẠY HỌC**

**1. Năng lực đặc thù**

1.1. Chăm sóc sức khoẻ: HS giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh sân tập trước, trong và sau khi kết thúc tiết học.

1.2. Vận động cơ bản:

+ HS có các vận động linh hoạt khi thực hiện chạy và bật nhảy

+ Hình thành thói quen vận động thông qua tập luyện và chơi trò chơi.

**2. Năng lực chung**

*2.1. NL tự chủ và tự học*: Chủ động tìm hiểu và khám phá động tác, tích cực thực hiện nhiệm vụ luyện tập được giao.

*2.2.* *NL giao tiếp và hợp tác*: Hỗ trợ, chia sẻ cùng bạn trong tập luyện và các hoạt động khác.

**3. Phẩm chất**

*3.1. Chăm chỉ*: Tự giác, tích cực tập luyện, có ý thức tự tập luyện, tham gia vào hoạt động giữ gìn vệ sinh chung và vệ sinh cá nhân;

*3.2. Trách nhiệm*: Nghiêm túc, đoàn kết, giúp đỡ bạn, có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường trong tập luyện và hoạt động tập thể.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Tranh hoặc ảnh về các động tác phối hợp chạy và bật nhảy; Các tranh ảnh về một số hoạt động trong đời sống có liên quan đến các hoạt động của bài học.

- Tranh ảnh, thiết bị về các trò chơi rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động *“Làm theo tín hiệu;*

- Còi, marker, bảng nhỏ, bóng hơi cao su, rổ đựng bóng, băng đĩa nhạc; Bàn, ghế; giá treo tranh..

**2. Học sinh:**

**-** Chuẩn bị dụng cụ theo hướng dẫn của giáo viên;

- Trang phục thể thao, giày tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

| **Thời lượng** | **Các hoạt  động học** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Thiết bị, đồ dùng dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| **7 phút** | **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**  Phẩm chất: Tự giác tích cực khi khởi động  Năng lực: Chủ động tìm hiểu và khám phá, tích cực thực hiện nhiệm vụ, hứng thú với bài học mới. | | | |
| 1 phút | *1. Nhận lớp*  *- Kiểm tra vệ sinh sân tập*, trang phục, sức khỏe của HS;  - Phổ biến nhiệm vụ giờ học. | − Cùng cán sự kiểm tra an toàn sân tập;  − Hỏi thăm và tiếp nhận tình hình sức khỏe của HS. | − Cá nhân kiểm tra và điều chỉnh trang phục;  − Báo cáo tình hình sức khỏe của mình khi GV hỏi. | Còi thổi, sân tập bằng phẳng, sạch sẽ |
| 2 phút | *2. Khởi động*  Xoay các khớp | Cùng HS thực hiện bài khởi động theo nhịp nhạc | Khởi động các khớp theo sự điều khiển của GV: cổ chân, cổ tay; vai, khuỷu tay; gối, hông. | - Băng nhạc, loa, đài, |
| 3 phút | ***3. Trò chơi bổ trợ khởi động*** | | |  |
| Trò chơi “**Chim bay, cò bay**” | − Cho HS nhắc lại cách chơi, luật chơi;  - Tạo các tình huống đa dạng khi tổ chức trò chơi. | - Nhắc lại cơ bản cách chơi, luật chơi  - Linh hoạt, nhanh nhẹn khi chơi trò chơi.  - Chơi 2-3 lần, mỗi lần có yêu cầu khác nhau. | - Marke nhựa đánh dấu phạm vi chơi; còi thổi, nhạc, loa, đài |
| 1 phút | *4. Ôn tập lại nội dung đã học* | Tổ chức cho HS thi đua để nhớ lại các tư thế tung - bắt bóng | HS từng nhóm thảo luận, đánh dấu vào những tư thế tung - bắt bóng | - Bảng viết tên các tư thế tưng - bắt bóng(mỗi nhóm một bảng). |
| ***10 phút*** | **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Phẩm chất:** tự giác, tích cực, sẵn sàng đón nhận nhiệm vụ bài học mới.  **Năng lực:** phối hợp với các bạn để phát hiện ra những bức tranh đúng và chưa đúng, nhắc lại tên các động tác đã học, chủ động chiếm lĩnh kiến thức để hình thành kỹ năng. | | | |
| *2 phút* | ***1. Kiến thức chung*** *(*chế độ ăn uống đảm bảo dinh dưỡng trong tập luyện*)* | | | |
| 2 phút | ***2. Làm quen động tác*** | | | |
|  | - Cho HS quan sát tranh về động tác cơ bản của bài tập chạy, bật nhảy và đặt câu hỏi:  VD: Các bạn trong tranh đang thực hiện những động tác gì?  - Cho HS nhớ tên động tác, miêu tả động tác. | - HS quan sát tranh (hoặc video) từng động tác.  - Các nhóm trao đổi, thảo luận để thống nhất đánh dấu vào "Bảng kiểm các động tác đã học" | - Tranh vẽ các bài tập chạy, bật nhảy; giá treo tranh. |
|  | ***3. Hình thành động tác mới*** | | |  |
| 5 phút | *Bài tập chạy và bật nhảy* | - Làm mẫu, nêu cách thực hiện và giải thích nếu có HS thắc mắc.  - GV (hoặc cán sự) điều khiển cho cả lớp tập đồng loạt. | − Quan sát động tác mẫu; Nêu câu hỏi thắc mắc nếu có.  - Điều chỉnh động tác khi GV nhận xét, sửa sai. Đi và về theo đúng hướng qui định. |  |
| 3 phút | *Trải nghiệm các động tác của bài tập* | − Gọi 2 HS lên thực hiện bài tập 1 lần.  − GV vừa hướng dẫn, vừa cho HS tập theo;  − Hô cho cả lớp tập, quan sát và nhận xét; | − Quan sát 2 bạn tập và nhận xét.  − Quan sát, tập bắt chước theo mẫu HS, GV;  − Tập theo nhịp hô của GV; |  |
| ***14 phút*** | **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **Phẩm chất:** tự giác tích cực, giúp đỡ bạn trong tập luyện.  **Năng lực:**  **-** Tập cơ bản đúng động tác chạy và bật nhảy  - Hợp tác với bạn trong tập luyện, phát hiện và sửa được lỗi sai của mình và của bạn khi tập luyện. | | | |
| 2 phút | *1. Luyện tập cá nhân*  Nhớ lại các động tác vừa học | - Cho HS tư duy về động tác vừa học trong 1 phút.  - Quan sát và đến giúp đỡ HS. | - 1 phút tự nhớ lại các động tác, nhắc lại tên và kỹ thuật  - HS vừa hô vừa tập. |  |
| 2 phút | *2. Luyện tập cặp đôi*  - Phối hợp chạy, bật nhảy | Quan sát và đến giúp đỡ. | − Cùng nhau vừa hô vừa tập.  − Một em vừa hô, vừa quan sát và nhận xét kết quả tập luyện của bạn. | Còi thổi, Âm nhạc |
| 5 phút | *3. Luyện tập nhóm* | Nêu yêu cầu khi tập theo nhóm bài tập Phối hợp chạy và bật nhảy. | - HS thảo luận, phân công thay nhau lên chỉ huy, quan sát các bạn luyện tập.  - Đặt câu hỏi nếu có thắc mắc. |
| 2 phút | *4. Hoạt động củng cố kiến thức*  Thi đua tập luyện giữa các nhóm. | - GV quan sát, cùng HS nhận xét. | Biểu diễn bài tập phối hợp |  |
| 2 phút | *4. Hoạt động đánh giá* | - Cho HS đánh giá lẫn nhau giữa các nhóm với các bước sau:  B1: Phát phiếu tự đánh giá và đánh giá nhóm bạn.  B2: Hướng dẫn cách đánh giá HS.  B3: Tổ chức và giám sát HS tự đánh giá và ĐG lẫn nhau giữa các nhóm.  B4: Nhận xét kết quả ĐG | − HS báo cáo tình hình học nhóm, tự đánh giá kết quả tập luyện của nhóm mình  - Thực hiện đánh giá nhóm bạn theo phân công |  |
| 2 phút | *5. Trò chơi rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động* | | |  |
|  | *Trò chơi: “Làm theo tín hiệu"* | − GV phổ biến cách chơi, thị phạm động tác chơi.  − Tổ chức cho HS chơi | − Quan sát và nêu câu hỏi thắc mắc nếu có  - HS phải mô phỏng đúng động tác của các phương tiện giao thông, chạy và dừng lại theo đúng tín hiệu, ai sai phải ra ngoài một lần chơi. | - Âm nhạc; Ba thẻ tín hiệu đèn đỏ, đèn xanh, đèn vàng. |
| 1 phút | *6. Hồi tĩnh*  *Thả lỏng cơ toàn thân* | Đưa cơ thể trở về trạng thái ban đầu;  Tạo không khí vui vẻ, tích cực | Thực hiện thả lỏng tay, chân, toàn thân | Âm nhạc |
| ***5 phút*** | **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **Phẩm chất:** sẵn sàng đón nhận nhiệm vụ và tự giác tập luyện  **Năng lực:** chủ động tự tập luyện, vận dụng được các KT, KN của các động tác, bài tập đã học, đã thực hiện để giải quyết vấn đề nảy sinh ở gia đình, cuộc sống. | | | |
| 1 phút  3 phút  1 phút | *1. Ưu điểm, hạn chế*  *2. Vận dụng*  *3. Xuống lớp* | - Nhận xét thái độ, kết quả tập luyện  - Giúp HS cách tự tập luyện  - Giáo viên đứng nghiêm trước lớp hô: “Cả lớp giải tán!” | - Nhận biết và khắc phục được nhược điểm. Nêu những thắc mắc (nếu có)  ***Bài tập vận dụng***  Chủ động tự tập luyện ở nhà bài tập sau:  Trước khi tắm em hãy bật nhảy chụm hai chân (có dây hoặc không dây) tùy theo sức của mình. Sau đó đi lại hít thở sâu trong vòng một phút…để nâng cao sức khỏe.  - Học sinh đứng nghiêm đồng thanh hô: “Khỏe!” |  |

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2020*

Người soạn

**Một số lưu ý:**

1. Trò chơi rèn luyện kĩ năng phối hợp vận động nhằm hỗ trợ để đủ lượng vận động cho HS nên mỗi tiết GV chỉ cho các em tập 01 bài với khối lượng vừa sức với sức khỏe của lớp học đó, sau đó hướng dẫn cho các em thả lỏng. Trong quá trình chơi trò chơi vận động, GV cần quan sát kĩ biểu hiện của các em, có thể chia HS thành nhóm sức khỏe để điều chỉnh khối lượng vận động theo nhóm sức khỏe.

2. Mỗi tiết học gồm 35 phút, GV có thể chia thời gian của từng tiết như sau:

- Hoạt động mở đầu: Khoảng 5-7 phút.

- Hoạt động hình thành KT mới: 10-12p.

- Hoạt động luyện tập: 12-14p.

- Hoạt động vận dụng: 5-7p.

**CÁCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa hoàn thành** |
| Tham gia vệ sinh chung và biết vệ sinh cá nhân; Thực hiện đúng các động tác của bài tập, biết được lỗi sai và khắc phục được trong tập luyện. | Tham gia vệ sinh chung và biết vệ sinh cá nhân; Thực hiện được các động tác của bài tập, biết được lỗi sai trong tập luyện. | Chưa tham gia vệ sinh chung và chưa biết vệ sinh cá nhân; Thực hiện chưa đúng động tác hoặc đúng ½ số lượng động tác của bài tập. |

*Lưu ý:*

- Căn cứ vào khả năng và thái độ tập luyện của học sinh để đánh giá mức độ cho phù hợp.

- GV lưu kết quả vào hồ sơ học tập.

**2. Trò chơi vận động**

**Đánh giá:**

*Chú ý:* GV cần điều chỉnh lượng vận động cho HS theo nhóm sức khỏe.

- Sau khi thực hiện trò chơi vận động phát triển thể lực, GV có thể sử dụng hình thức đánh giá bằng nhận xét và lưu kết quả vào hồ sơ học tập.

- Theo định kì, GV cần lưu kết quả thực hiện bài tập để theo dõi được tình hình sức khỏe, sự phát triển cơ thể và thể lực của HS.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể,* ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn GDTC*, ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

3. Bộ Giáo dục và đào tạo, Dự án Việt-Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học,* Nhà xuất bản ĐHSP, Hà Nội.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Tài liệu Tập huấn Dạy học tích hợp ở trường Tiểu học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

5. Bernd Meier &Nguyễn Văn Cường (2011), *Lý luận dạy học kỹ thuật – Phương pháp và Quá trình dạy học*, Berlin.

6. Nguyễn Hữu Hợp (2019), *Thiết kế bài học phát triển năng lực học sinh tiểu học,* Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.